VIỆT-NAM CỘNG HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

BỘ TỔNG THAM-MƯU QLVNCH

N-20355.120

DANH DỰ TỔ QUỐC TRÁCH NHIỆM

HUY CHƯƠNG

ÂN THƯỞNG TRONG

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

LIBRARY
USA CGSC FT LEAVENWORTH, KAN.
OCT 29 2003
ACCESSION NO
PO REGISTER

PROPERTY OF U. S. ARMY 04-107

BỘ TỔNG THAM-MƯU SOẠN THẢO

1.69-TTALAP.O.432E

HUY CHƯƠNG

ÂN THƯỞNG TRONG

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

PREFACE

This booklet presents and introduces all of the medals and decorations of the Republic of Vietnam Armed Forces.

All of these medals and decorations are created and awarded by the Republic of Vietnam Chief of State to individuals for their achievements or service to the Country or the Armed Forces.

Article 61, Section 1, of the Constitution of the Republic of Vietnam, dated 1 April 1967, stipulates that : « The President of the Republic of Vietnam presents all types of medals ».

Since the Republic of Vietnam has received assistance from Allied Nations, the President of the Republic of Vietnam has concurred in the award of Republic of Vietnam medals, including the National Order which is the highest medal of this country, to all foreign mililary personnel and civilians for their exceptional contributions in the struggle against Communist aggression and in the building of a powerful Vietnam.

The highest medals of the Republic of Vietnam and the Republic of Vietnam Armed Forces, such as : the National Order, Military Merit Medal, Army Distinguished Service Order, Air Force Distinguished Service Order and Navy Distinguished Service Order are also intended for Chiefs of State, important key personalities and General Officers of friendly countries, for diplomatic reasons.

Lời Giới Thiệu

Quyển sách nhỏ này trình bày và giới thiệu tất cả các loại huy-chương và các hình thức ân thưởng khác hiện hữu trong Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

Tất cả các loại huy-chương đều do Quốc Trưởng hoặc Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa tạo lập ra và ân thưởng cho những người có công với Quốc-Gia hoặc với Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

Điều 61, khoản I của Hiến pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày I tháng 4 năm 1967 đã qui định : « Tổng-Thống ban các loại huy chương »

Kể từ khi Việt-Nam Cộng-Hòa được sự trợ giúp quý báu của các Quốc-gia và Quân-Lực Đồng-Minh, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã chấp thuận ân thưởng huy-chương Việt-Nam kể cả Bảo-Quốc Huân-Chương là huy-chương cao quý nhất quốc-gia cho những quân nhân và thường dân ngoại quốc nào đã trực tiếp đóng góp công lao và xương máu cho Việt-Nam trong công cuộc chiến đấu chống Cộng-Sản xâm lăng và xây dựng Quốc-gia Việt Nam ngày càng trở nên hùng mạnh.

Các loại huy-chương cao quý nhất của Quốc-gia và Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa như Bảo-Quốc Huân-Chương, Quân-Công Bội-Tinh, Lục-Quân Huân-Chương, Không-Lực Huân-Chương, Hải-Quân Huân-Chương cũng còn được Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa dành trao tặng các vị Quốc-Vương, Quốc-Trưởng, Tổng-Thống hoặc các nhân vật cao cấp, các vị Tướng lãnh của các Quốc-gia thân hữu bang giao với Việt-Nam Cộng-Hòa.

TABLE OF CONTENTS

		PAGE
1.—	Preface	2
2.—	National Order of the Republic of Viet Nam	16
3.—	Military Merit Medal	22
4.—	Army Distinguished Service Order	28
5.—	Air Force Distinguished Service Order	34
6.—	Navy Distinguished Service Order	40
7.—	Army Meritorious Service Medal	46
8.—	Air Force Meritorious Service Medal	52
9.—	Navy Meritorious Service Medal	58
10.—	Special Service Medal	64
11.—	Gallantry Cross	70
12.—	Air Gallantry Cross	76
13.—	Navy Gallantry Cross	82
14.—	Hazardous Service Medal	88
15.—	Life Saving Medal	94
16.—	Loyalty Medal	101
17.—	Wound Medal	107
18.—	Armed-Forces Honor Medal	112
19.—	Leadership Medal	118
20.—	Staff Service Medal	124
21.—	Technical Service Medal	130
22.—	Training Service Medal	136
23.—	Civil Actions Medal	142
24.—	Good Conduct Medal	148
25.—	Campaign Medal	154
26.—	Military Service Medal	160
27.—	Air Service Medal	166
28.—	Navy Service Medal	172
29.—	Unity Medal	178
30.—	Medal of Sacrifice	184
31.—	Fourragere	196
32.—	Unit Citation Streamer	202
33.—	Unit Citation Emblem	208
34.—	Procedure for wearing of Việt Nam medals as applied to RVNAF personnel.	212
35.—	Awarding Authorities.	228

Mục - Lục

SỐ THỨ TỰ		TRANG
1.—	Lời giới thiệu	3
2.—	Bảo Quốc Huân Chương	17
3.—	Quân-Công Bội-Tinh	23
4.—	Lục-Quân Huân-Chương	29
5.—	Không-Lực Huân-Chương	35
6.—	Hải-Quân Huân-Chương	41
7.—	Lục-Quân Vinh-Công Bội-Tinh	47
8.—	Không-Quân Vinh-Công Bội-Tinh	53
9.—	Hải-Quân Vinh-Công Bội-Tinh	59
10 —	Biệt-Công Bội-Tinh	65
11.—	Anh-Dũng Bội-Tinh	71
12.—	Phi-Dũng Bội-Tinh	77
13.—	Hải-Dũng Bội-Tinh	83
14.—	Ưu-Dũng Bội-Tinh	89
15.—	Nhân-Dũng Bội-Tinh	95
16.—	Trung-Chánh Bội-Tinh	101
17.—	Chiến-Thương Bội-Tinh	107
18.—	Danh-Dự Bội-Tinh	113
19.—	Chỉ-Đạo Bội-Tinh	119
20.—	Tham-Mưu Bội-Tinh	125
21.—	Kỹ-Thuật Bội-Tinh	131
22.—	Huấn-Vụ Bội-Tinh	137
23.—	Dân-Vụ Bội-Tinh	143
24.—	Quân-Phong Bội-Tinh	149
25.—	Chiến-Dịch Bội-Tinh	155
26.—	Quân-Vụ Bội-Tinh	161
27.—	Không-Vụ Bội-Tinh	167
28.—	Hải-Vụ Bội Tinh	173
29.—	Nhật-Trí Bội-Tinh	179
30.—	Vị-Quốc Bội-Tinh	185
31.—	Giấy Biểu Chương	197
32.—	Băng Tuyên Công Đơn-Vị	203
33.—	Huy-Hiệu Tuyên-Công Đơn-Vị	209
34.—	Cách mang huy-chương trong QLVNCH	213
35.—	Quyền-hạn ân thưởng huy-chương.	229

BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG

NATIONAL ORDER OF THE REPUBLIC OF VIET-NAM

Đệ Nhất Đẳng BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG

The National Order of Viet-Nam

Grand Cross or First class

Đệ Nhị Đẳng BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG

The National Order of Viet Nam

Grand Officer or Second class

Đệ Tam Đẳng BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG

The National Order of Viet Nam

Commander or Third class

Đệ Tứ Đẳng BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG
The National Order of Viet Nam
Officer or Fourth class

Đệ Ngũ Đẳng BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG
The National Order of Viet Nam
Knight or Fifth class

BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG

NATIONAL ORDER OF THE REPUBLIC OF VIET NAM

1
NATIONAL ORDER OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

a. Basic Documents :

— *Ordinance No 10-a, 15 August 1950.*

— *Decree No 74-a/QT, 15 August 1950.*

— *Decree No 226/SL/CT, 12 August 1964.*

— *Decree No 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The National Order is awarded or posthumously awarded to individuals who have distinguished themselves by outstanding achievements, exceptional service, sacrifice, heroism, noble attitude, or extraordinary talent that reflect great credit on or is beneficial to the country.

The National Order is also intended for RVNAF units, legally established organizations, and administrative units that display sacrifice and heroism or accomplish brilliant achievements.

In addition, the National Order may be granted to Non-Vietnamese citizens for diplomatic reasons.

c. Classes :

The National Order has five classes :

— *National Order, Grand Cross or First Class.*

— *National Order, Grand Officer or Second Class.*

— *National Order, Commander or Third Class.*

— *National Order, Officer or Fourth Class.*

— *National Order, Knight or Fifth Class.*

d. Awarding Authorities :

— *The President of the Republic of Viet Nam awards the National Order of all classes.*

— *The Prime Minister is empowered to award the National Order, Fourth Class, and posthumously award the National Order, Third Class.*

— *The Minister of National Defense is delegated the authority to award the National Order, Fifth Class, and posthumously award the National Order, Fourth Class.*

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF, is empowered to posthumously award the National Order, Fifth Class.*

1
BẢO - QUỐC HUÂN - CHƯƠNG

a. Văn kiện căn bản.

— Dụ số 10-a ngày 15-8-1950
— Sắc-Lệnh số 74-a/QT ngày 15-8-1950
— Sắc-Lệnh số 226/SL/CT ngày 12-8-1964
— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG dành để cấp thưởng hay truy tặng những người hoặc vì công nghiệp lớn lao hay sự-vụ xuất-sắc, hoặc vì chí hy-sinh hay lòng dũng cảm, hoặc vì đức hạnh cao cả hay tài năng lỗi lạc, đã làm vinh-dự cho tổ-quốc hay giúp ích đặc-biệt cho Quốc-gia.

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG cũng để cấp thưởng cho các đơn-vị trong Quân-Đội, các đoàn-thể có tư cách pháp-nhân, các địa hạt và đơn vị Hành-chánh đã nêu cao gương hy-sinh và anh dũng hay lập được những thành tích vẻ-vang.

Ngoài ra BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG lại có thể cấp thưởng cho những người không thuộc quốc-tịch Việt-Nam vì tính cách bang-giao.

c. Đẳng cấp.

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG gồm có 5 đẳng cấp :

— Đệ Nhất đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương
— Đệ Nhị đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương
— Đệ Tam đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương
— Đệ Tứ đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương
— Đệ Ngũ đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ân cấp Bảo-Quốc Huân-Chương các đẳng.
— Thủ-Tướng Chánh-Phủ được ủy quyền ân cấp Bảo-Quốc Huân-Chương Đệ Tứ đẳng, truy tặng Bảo-Quốc Huân-Chương Đệ Tam đẳng.
— Tổng Trưởng Quốc Phòng được ủy quyền ân cấp Đệ Ngũ đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương và truy tặng Đệ Tứ đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương.
— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH được ủy quyền truy tặng Đệ Ngũ đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương.

QUÂN CÔNG BỘI TINH

MILITARY MERIT MEDAL

QUÂN CÔNG BỘI TINH

Military Merit Medal

QUÂN CÔNG BỘI TINH

MILITARY MERIT MEDAL

2
MILITARY MERIT MEDAL

a. Basic Documents :

— *Ordinance 10-b, 15 August 1950.*

— *Decree 74-b/QT, 15 August 1950.*

— *Ordinance 273/DQT/HC, 6 April 1953.*

— *Ordinance 200-b/QT, 30 December 1956.*

— *Decree N° 058-SL/CT, 11 January 1964.*

— *Decree N° 226-SL/CT, 12 August 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 November 1965.*

b. Purpose :

The Military Merit Medal is awarded or posthumously awarded to Non-Commissioned Officers (including Aspirants) and Enlisted Men in the Armed Forces, who have :

— *Previously received citations at the Armed Forces level.*

— *Been wounded one or many times in combat.*

— *Distinguished themselves by their heroic actions.*

— *Served in an honorable manner for at least 13 years.*

The Military Merit Medal may be awarded or posthumously awarded to Allied Non-Commissioned Officers and Enlisted Men for valor while fighting in the Republic of Vietnam.

The Military Merit Medal may also be presented to Chiefs of State, Marshals of friendly countries and General Officers who have held a position as Commander In-Chief in the Republic of Vietnam.

c. Class :

The Military Merit Medal has only one class.

d. Awarding Authorities :

— *The Minister of National Defense.*

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF, is empowered to posthumously award the Military Merit Medal.*

2
QUÂN-CÔNG BỘI-TINH

a. Văn kiện căn-bản.

— Dụ 10b ngày 15-8-1950
— Dụ 74b/QT ngày 15-8-1950
— Dụ 273/ĐQT/HC ngày 6-4-1953
— Dụ 200b/QT ngày 30-12-1956
— Sắc-Lệnh số 058-SL/CT ngày 11-1-1964
— Sắc-Lệnh 226-SL/CT 12-8-1964
— Sắc-Lệnh 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục-kích.

Quân-Công Bội-Tinh dành để ân thưởng và truy tặng các Hạ-Sĩ-Quan (kể cả Chuẩn-Úy) và các binh-sĩ thuộc Quân-Lực VIỆT-NAM CỘNG-HÒA có một trong các điều-kiện kể sau :

— Được tuyên dương trước Quân-Đội
— Bị một hay nhiều vết thương trong lúc chiến-đấu với địch quân.
— Đặc biệt nổi danh vì một hành vi anh dũng.
— Phụng sự một cách vinh dự trong hàng ngũ Quân-Đội một thời-gian ít nhất là 13 năm.

Quân-Công Bội-Tinh có thể đặc cách cấp thưởng và truy tặng cho các quân-nhân không phải Sĩ-quan của Quân-Đội Đồng-Minh đã nổi danh trong lúc chiến-đấu trên lãnh-thổ Việt-Nam.

Quân-Công Bội-Tinh cũng có thể trao tặng các vị Quốc-Trưởng, các vị Thống-Chế của các Quốc-gia thân hữu và các Sĩ-quan cấp Tướng đã lãnh chức-vụ Tổng Chỉ-Huy ở Việt-Nam.

c. Đẳng-cấp.

QUÂN-CÔNG BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân-thưởng.

— Tổng Trưởng Quốc-Phòng ân thưởng
— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH truy tặng.

LỤC QUÂN HUÂN CHƯƠNG

ARMY DISTINGUISHED SERVICE ORDER

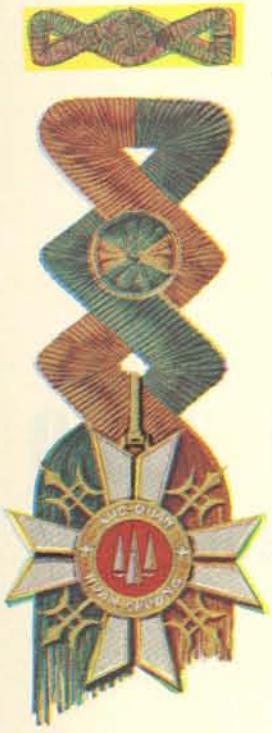

LỤC QUÂN HUÂN CHƯƠNG
ĐỆ NHẤT HẠNG
Army Distinguished
Service Order, First Class

LỤC QUÂN HUÂN CHƯƠNG
ĐỆ NHỊ HẠNG
Army Distinguished
Service Order, Second Class

LỤC QUÂN HUÂN CHƯƠNG

ARMY DISTINGUISHED SERVICE ORDER

3
ARMY DISTINGUISHED SERVICE ORDER.

a. Basic Documents :

— *Decree N° 171/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree N° 205/CT/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Army Distinguished Service Order is awarded or posthumously awarded to Army Officers who meet one of the following requirements :

— *Have been cited or wounded many times in combat or in line of duty.*

— *Have accomplished exceptionally important achievements that reflect great credit on, or isbeneficial to the Army of the RVNAF in any field.*

The Army Distinguished Service Order is also intended for Infantry Units and General Officers in other armed services who have accomplished an achievement that is exceptionally important and beneficial to the Republic of Vietnam Army.

The Army Distinguished Service Order may be awarded to foreigners for their meritorious service to the RVN Army or for diplomatic reasons.

c. Classes :

The Army Distinguihed Service Order has two classes :

— *Army Distinguished Service Order, First Class.*

— *Army Distinguished Service Order, Second Class.*

d. Awarding Authorities :

— *The Minister of National Defense.*

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF (for posthumous award).*

3
LỤC-QUÂN HUÂN-CHƯƠNG

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh 171/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-Lệnh 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

Lục-Quân Huân-Chương dành để tưởng thưởng hoặc truy tặng Sĩ-Quan thuộc Quân-Chủng Lục-Quân, phục-vụ trong Lục-Quân, có một trong các điều kiện dưới đây :

— Đã được tuyên dương công trạng hoặc bị thương nhiều lần trong lúc tác chiến hay trong khi thừa hành công vụ.

— Đã lập được công trạng đặc-biệt lớn lao có tính cách ích lợi và làm vinh dự cho Lục-Quân bất cứ trong lãnh vực nào.

Lục-Quân Huân-Chương cũng được dùng để cấp thưởng cho các đơn-vị Bộ-Binh và các Tướng-lãnh thuộc các Quân-Chủng khác đã lập được công trạng đặc-biệt lớn lao hữu ích cho Lục-Quân Việt-Nam.

Lục-Quân Huân-Chương có thể tặng thưởng cho những người không thuộc Quốc-Tịch Việt-Nam có công với Lục-Quân QLVNCH hoặc vì tính cách bang giao.

c. Đẳng cấp

LỤC QUÂN HUÂN-CHƯƠNG có hai đẳng cấp :

— Lục-Quân Huân-Chương đệ I hạng

— Lục-Quân Huân-Chương đệ II hạng.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Trưởg Quốc-Phòng ân thưởng

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH truy tặng.

KHÔNG LỰC HUÂN CHƯƠNG

AIR FORCE DISTINGUISHED SERVICE ORDER

KHÔNG LỰC HUÂN CHƯƠNG
ĐỆ NHẤT HẠNG
Air Force Distinguished
Service Order, First Class

KHÔNG LỰC HUÂN CHƯƠNG
ĐỆ NHỊ HẠNG
Air Force Distinguished
Service Order, Second Class

KHÔNG LỰC HUÂN CHƯƠNG

AIR FORCE DISTINGUISHED SERVICE ORDER

AIR FORCE DISTINGUISHED SERVICE ORDER.

a. Basic Documents :

— *Decree N° 177/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Air Force Distinguished Service Order is awarded or posthumously awarded to Officers in the RVN Air Force, who have served in Air Force units and agencies and meet one of the following requirements :

— *Have been cited or wounded many times in combat or in line of duty.*

— *Have accomplished an exceptionally important achievement that reflects great credit on, or is beneficial to the RVN Air Force in any field.*

The Air Force Distinguished Service Order is also presented to Air Force units and General Officers in other armed services, who have distinguished themselves by an exceptionally important achievement that is beneficial to the RVN Air Force.

The Air Force Distinguished Service Order may be awarded to foreigners for their meritorious service to the RVN Air Force or for diplomatic reasons.

c. Classes :

The Air Force Distinguished Service Order has two classes :

— *Air Force Distinguished Service Order, First Class.*

— *Air Force Distinguished Service Order, Second Class.*

d. Awarding Authorities :

— *The Minister of National Defense.*

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF (for posthumous award).*

4
KHÔNG - LỰC HUÂN - CHƯƠNG

a. Văn-kiện căn-bản.

— Sắc-Lệnh 177/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-Lệnh 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục-đích.

KHÔNG - LỰC HUÂN - CHƯƠNG dành để tưởng thưởng hoặc truy tặng Sĩ-Quan thuộc Quân-Chủng Không-quân QLVNCH phục vụ trong Không-Quân và có một trong các điều-kiện dưới đây :

— Đã được tuyên dương công trạng hoặc bị thương nhiều lần tro ng lúc tác chiến hay trong khi thừa hành công-vụ.

— Đã lập được công trạng đặc-biệt lớn lao có tính cách ích lợi và làm vinh dự cho Không-Quân bất cứ trong lãnh vực nào.

KHÔNG-LỰC HUÂN CHƯƠNG cũng được dùng để cấp thưởng cho các đơn-vị Không-Quân và các Tướng lãnh thuộc các Quân Chủng khác đã lập được công trạng đặc-biệt lớn lao hữu ích cho Không-Quân Việt-Nam.

KHÔNG - LỰC HUÂN - CHƯƠNG có thể tặng thưởng cho những người không thuộc Quốc tịch Việt-Nam có công với Không-Quân QLVNCH hoặc vì tính cách bang giao.

c. Đẳng cấp.

KHÔNG-LỰC HUÂN-CHƯƠNG có hai đẳng cấp :

— Không-Lực Huân-Chương đệ I hạng

— Không-Lực Huân-Chương đệ II hạng

d. Quyền-hạn ân thưởng.

— Tổng Trưởng Quốc-Phòng ân thưởng

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH truy tặng.

HẢI QUÂN HUÂN CHƯƠNG

NAVY DISTINGUISHED SERVICE ORDER

HẢI QUÂN HUÂN CHƯƠNG
ĐỆ I HẠNG
Navy Distinguished
Service Order, First Class

HẢI QUÂN HUÂN CHƯƠNG
ĐỆ II HẠNG
Navy Distinguished
Service Order, Second Class

HẢI QUÂN HUÂN CHƯƠNG

NAVY DISTINGUISHED SERVICE ORDER

NAVY DISTINGUISHED SERVICE ORDER :

a. Basic Documents :

— *Decree N° 182/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Navy Distinguished Service Order is awarded or posthumously awarded to Officers in the RVN Navy who meet one of the following requirements :

— *Have been cited or wounded many times in combat or in line of duty.*

— *Have accomplished an exceptionally important achievement that reflects great credit on, or is beneficial to the RVN Navy in any field.*

The Navy Distinguished Service Order is also intended for Navy units and General Officers in other armed services, who have distinguished themselves by an exceptionally important achievement that is beneficial to the RVN Navy.

The Navy Distinguished Service Order may be presented to foreigners for their meritorious service to the RVN Navy, or for diplomatic reasons.

c. Classes :

The Navy Distinguished Service Order has two classes :

— *Navy Distinguished Service Order, First Class.*

— *Navy Distinguished Service Order, Second Class.*

d. Awarding Authorities :

— *The Minister of National Defense.*

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF (for posthumous award).*

5
HẢI-QUÂN HUÂN-CHƯƠNG

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh 182/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-Lệnh 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

HẢI-QUÂN HUÂN-CHƯƠNG dành để tưởng thưởng hoặc truy tặng Sĩ-Quan thuộc Quân-Chủng Hải-Quân QLVNCH phục-vụ trong Hải-Quân và có một trong các điều-kiện dưới đây :

— Đã được tuyên dương công trạng hoặc bị thương nhiều lần trong lúc tác chiến hay trong khi thừa hành công vụ.

— Đã lập được công trạng đặc-biệt lớn lao có tính cách ích lợi và làm vinh dự cho Hải-Quân bất cứ trong lãnh vực nào.

HẢI-QUÂN HUÂN-CHƯƠNG cũng được dùng để cấp thưởng cho các đơn-vị Hải-Quân và các Tướng lãnh thuộc các Quân Chủng khác đã lập được công trạng đặc-biệt lớn lao hữu ích cho Hải-Quân Việt-Nam.

HẢI-QUÂN HUÂN-CHƯƠNG có thể tặng thưởng cho những người không thuộc Quốc-tịch Việt-Nam có công với Hải-Quân QLVNCH, hoặc vì tính cách bang giao.

c. Đẳng cấp.

HẢI-QUÂN HUÂN-CHƯƠNG có 2 đẳng cấp :

— Hải-Quân Huân-Chương đệ I hạng

— Hải-Quân Huân-Chương đệ II hạng

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Trưởng Quốc Phòng ân thưởng

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH truy tặng.

LỤC QUÂN VINH CÔNG BỘI TINH

ARMY MERITORIOUS SERVICE MEDAL

LỤC QUÂN VINH CÔNG BỘI-TINH

Army Meritorious Service Medal

LỤC QUÂN VINH CÔNG BỘI TINH

ARMY MERITORIOUS SERVICE MEDAL

6
ARMY MERITORIOUS SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree Nº 172/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree Nº 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Army Meritorious Service Medal is awarded or posthumously awarded to Non-Commissioned Officers and Enlisted Men in the Republic of Vietnam Army who have served in the Army and meet one of the following requirements :

— *Have been cited or wounded many times in combat or in line of duty.*

— *Have accomplished an exceptionally important achievement that reflects great credit on, or is beneficial to the Republic of Vietnam Army in any field.*

The Army Meritorious Service Medal is also intended for foreign Non-Commissioned Officers and Enlisted Men for their meritorious service to the Republic of Vietnam Army.

c. Class :

The Army Meritorious Service Medal has only one class.

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF.*

6
LỤC-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 172/SL/CT ngày 5-6-1964.

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

LỤC-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH dành để tưởng thưởng hoặc truy tặng Hạ-Sĩ-Quan và Binh-Sĩ Lục-Quân QLVNCH phục-vụ trong Lục-Quân và có một trong các điều kiện dưới đây :

— Đã được tuyên dương công trạng hoặc bị thương nhiều lần trong lúc tác chiến hay trong khi thừa hành công vụ.

— Đã lập được công trạng lớn lao có tính cách ích lợi và làm vinh dự cho Lục-Quân bất cứ trong lãnh vực nào.

LỤC-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH cũng được dành để cấp thưởng cho Hạ-Sĩ-Quan và Binh-Sĩ ngoại quốc có công với Lục-Quân Việt-Nam.

c. Đẳng cấp.

LỤC-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH có một đẳng cấp.

.d Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

KHÔNG QUÂN VINH CÔNG BỘI TINH

AIR-FORCE MERITORIOUS SERVICE MEDAL

KHÔNG QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH

Air Force Meritorious Service Medal

KHÔNG QUÂN VINH CÔNG BỘI TINH

AIR-FORCE MERITORIOUS SERVICE MEDAL

7
AIR FORCE MERITORIOUS SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree Nº 179/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree Nº 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Air Force Meritorious Service Medal is awarded or posthumously awarded to Non-Commissioned Officers and Enlisted Men in the Republic of Vietnam Air Force, who have served in the Air Force and meet one of the following requirements :

— *Have been cited or wounded many times in combat or in line of duty.*

— *Have accomplished an exceptionally important achievement that reflects great credit on, or beneficial to the RVN Air Force in any field.*

The Air Force Meritorious Sevice Medal is also intended for foreign Non-Commissioned Officers and Enlisted Men for their meritorious service to the Republic of Vietnam Air Force.

c. Class :

The Air Force Meritorious Service Medal has only one class.

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF.*

7
KHÔNG-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-lệnh số 179/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

KHÔNG-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH dành để tưởng thưởng hoặc truy tặng Hạ-Sĩ-Quan và Binh-Sĩ Không-Quân QLVNCH phục-vụ trong Không-Quân và có một trong các điều kiện dưới đây :

— Đã được tuyên dương công trạng hoặc bị thương nhiều lần trong lúc tác chiến hay trong khi thừa hành công-vụ.

— Đã lập được công trạng lớn lao có tính cách ích lợi và làm vinh-dự cho Không-Quân bất cứ trong lãnh-vực nào.

KHÔNG-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH cũng được dùng để cấp thưởng cho Hạ-Sĩ-Quan và Binh-Sĩ ngoại-quốc có công với Không-Quân Việt-Nam.

c. Đẳng cấp.

KHÔNG-QUÂN VINH CÔNG BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

HẢI QUÂN VINH CÔNG BỘI TINH

NAVY MERITORIOUS SERVICE MEDAL

HẢI-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH

Navy Meritorious Service Medal

HẢI QUÂN VINH CÔNG BỘI TINH

NAVY MERITORIOUS SERVICE MEDAL

8
NAVY MERITORIOUS SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree Nº 181/SL/CT, 5 June 1964,*

— *Decree Nº 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Navy Meritorious Service Medal is awarded or posthumously awarded to Non-Commissioned Officers and Enlisted Men in the RVN Navy, who meet one of the following requirements :

— *Have been cited or wounded many times in combat or in line of duty.*

— *Have accomplished an exceptionally important achievement that reflects great credit on, or is beneficial to the RVN Navy in any field.*

The Navy Meritorious Service Medal is also intended for foreign Non-Commissioned Officers and Enlisted Men for their meritorious service to the RVN Navy.

c. Class :

The Navy Meritorious Service Medal has only one class.

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF.*

8
HẢI-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH

a. Văn-kiện căn-bản.

— Sắc-Lệnh số 181/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

HẢI-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH dành để tưởng thưởng hoặc truy tặng Hạ-Sĩ-Quan và Binh-Sĩ Hải-Quân QLVNCH phục-vụ trong Hải-Quân và có một trong các điều-kiện dưới đây :

— Đã được tuyên dương công trạng hoặc bị thương nhiều lần trong lúc tác chiến hay trong khi thừa hành công-vụ.

— Đã lập được công trạng lớn lao có tính cách ích lợi và làm vinh dự cho Hải-Quân bất cứ trong lãnh vực nào.

HẢI-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH cũng được dùng để cấp thưởng cho Hạ-Sĩ-Quan và Binh-Sĩ ngoại quốc có công với Hải-Quân Việt-Nam.

c. Đẳng cấp.

HẢI-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

Tổng Tham-Mưu-Trưởng QLVNCH ân thưởng.

BIỆT CÔNG BỘI TINH

SPECIAL SERVICE MEDAL

BIỆT-CÔNG BỘI-TINH
Special Service Medal

BIỆT CÔNG BỘI TINH

SPECIAL SERVICE MEDAL

9

SPECIAL SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N⁰ 150/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree N⁰ 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Special Service Medal is awarded or posthumously awarded to military personnel and government civilian employees who have distinguished themselves by extraordinary deeds or have accomplished an important mission that involved a risk of life and required exceptional fortitude and aggressiveness.

The Special Service Medal is also presented to foreign military personnel serving by the side of RVNAF units who meet the requirements stated above.

Vietnamese and foreign civilians may be awarded the Special Service Medal if they fulfill the prescribed requirements and the accomplishment of the mission is beneficial to the war effort.

c. Class :

The Special Service Medal has only one class.

d. Awarding Authority :

The Chief of Joint General Staff, RVNAF.

9
BIỆT-CÔNG BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 150/SL/CT ngày 12-5-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích .

BIỆT-CÔNG BỘI-TINH dành để ân thưởng hoặc truy tặng những quân-nhân và nhân viên chính quyền có hành-động phi thường, hoàn thành sứ mạng đặc-biệt hay công tác quan trọng nguy hiểm đến tính mệnh, đòi hỏi tinh thần chịu đựng và phấn đấu xuất sắc.

BIỆT-CÔNG BỘI-TINH cũng để ân thưởng quân-nhân ngoại quốc phục-vụ bên cạnh QLVNCH có đủ điều kiện trên đây.

Các tư nhân Việt-Nam cũng như ngoại quốc có thể được ân thưởng Biệt-Công Bội-Tinh nếu có đủ điều - kiện và công tác hoàn thành có tính cách ích lợi quân sự.

c. Đẳng cấp.

BIỆT-CÔNG BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

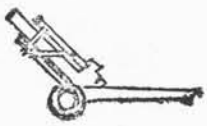

ANH DŨNG BỘI TINH

GALLANTRY CROSS

ANH DŨNG BỘI TINH với NHÀNH DƯƠNG LIỄU
Gallantry Cross with Palm

ANH DŨNG BỘI TINH với NGÔI SAO VÀNG
Gallantry Cross with Gold Star

ANH DŨNG BỘI TINH với NGÔI SAO BẠC
Gallantry Cross with Silver Star

ANH DŨNG BỘI TINH với NGÔI SAO ĐỒNG
Gallantry Cross with Bronze Star

ANH DŨNG BỘI TINH

GALLANTRY CROSS

10
GALLANTRY CROSS

a. Basic Documents :

— *Decree N° 74-b/QT, 15 August 1950 and Decree N° 96/DQT/HC. 2 May 1952.*

— *Ordinance 10-b, 15 August 1950 and Ordinance N° 1. 2 February 1952.*

— *Decree N° 200-b/QP, 30 December 1956.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Gallantry Cross is awarded or posthumously awarded to military personnel, civilians, and Armed Forces units and organizations which have accomplished deeds of valor or displayed heroic conduct while fighting the enemy, and have been cited at the Armed Forces, Corps, Division, Brigade or Regiment level.

c. Classes :

The Gallantry Cross has four classes :

— *Gallantry Cross with Palm : Armed Forces level*

— *Gallantry Cross with Gold Star : Corps level*

— *Gallantry Cross with Silver Star : Division level*

— *Gallantry Cross with Bronze Star : Brigade and Regiment level.*

d. Awarding Authority :

The Chief of Joint General Staff, RVNAF.

10
ANH-DŨNG BỘI-TINH

a. Văn-kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 74-b/QT ngày 15-8-1950 và SL 96/ĐQT/HC 2-5-52

— Dụ số 10b ngày 15-8-1950 và Dụ số 1 ngày 2-2-1952

— Sắc-Lệnh số 200b/QP ngày 30-12-1956

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

ANH-DŨNG BỘI-TINH dành để cấp thưởng hay truy tặng các quân-nhân, các tư nhân, các đơn-vị trong Quân-Đội, các đoàn thể đã lập được chiến công hoặc có những hành-vi dũng-cảm trong lúc giao chiến với địch quân, mà được tuyên dương công trạng trước Quân-Đội, Quân-Đoàn, Sư-Đoàn, Lữ-Đoàn hay Trung-Đoàn.

c. Đẳng cấp.

ANH-DŨNG BỘI-TINH có 4 đẳng cấp :

— Anh-Dũng Bội-Tinh với Nhành Dương Liễu : cấp Quân-Đội

— Anh-Dũng Bội-Tinh với Ngôi Sao Vàng : cấp Quân-đoàn

— Anh-Dũng Bội-Tinh với Ngôi Sao Bạc : cấp Sư-Đoàn

— Anh-Dũng Bội-Tinh với Ngôi Sao Đồng : cấp Lữ-Đoàn và cấp Trung-Đoàn

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

PHI DŨNG BỘI TINH

AIR GALLANTRY CROSS

PHI DŨNG BỘI TINH VỚI
CÁNH CHIM-VÀNG
Air Gallantry Cross Gold Wing

PHI DŨNG BỘI TINH VỚI
CÁNH CHIM BẠC
Air Gallantry Cross Silver Wing

PHI-DŨNG BỘI-TINH VỚI
CÁNH CHIM-ĐỒNG
Air Gallantry Cross Bronze Wing

PHI DŨNG BỘI TINH

AIR GALLANTRY CROSS

11
AIR GALLANTRY CROSS

a. Basic Documents :

— *Decree N° 178/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965*

b. Purpose :

The Air Gallantry Cross is awarded or posthumously awarded to flying personnel in the RVN Air Force, who have been cited at the Squadron, Tactical Wing, or Air Force level for their display of heroism and exceptional bravery in flight or in extremely dangerous situations.

The Air Gallantry Cross is also intended for civilian flying personnel serving in the RVN Air Force and foreign flying personnel serving by the side of the RVN Air Force who meet the requirements prescribed above.

c. Classes :

The Air Gallantry Cross has three classes :

— *Air Gallantry Cross with Gold Wing : Air Force level.*

— *Air Gallantry Cross with Silver Wing: Tactical Wing level.*

— *Air Gallantry Cross with Bronze Wing: Squadron level.*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF.*

11
PHI-DŨNG BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 178/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

PHI-DŨNG BỘI-TINH dùng để tưởng thưởng hoặc truy tặng nhân viên phi hành thuộc Không-Lực QLVNCH đã được tuyên dương công trạng trước Phi-Đoàn, Không-Đoàn hay Không-Quân do sự biểu lộ bình tĩnh sáng suốt và can đảm đặc-biệt trong lúc phi cơ lâm nạn hay ở trong hoàn cảnh khó khăn và nguy hiểm.

PHI-DŨNG BỘI-TINH cũng được dùng để cấp thưởng nhân-viên phi-hành dân sự trong Không Lực Việt-Nam và các nhân-viên phi-hành ngoại quốc phục-vụ bên cạnh Không-quân Việt-nam hội đủ điều kiện ấn định trên đây.

c. Đẳng cấp.

PHI-DŨNG BỘI TINH có ba đẳng cấp :

— Phi-Dũng Bội-Tinh với cánh chim vàng

— Phi-Dũng Bội-Tinh với cánh chim bạc

— Phi-Dũng Bội-Tinh với cánh chim đồng

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

HẢI DŨNG BỘI TINH

NAVY GALLANTRY CROSS

HẢI-DŨNG BỘI-TINH
VỚI NEO-VÀNG
Navy Gallantry Cross, Gold Anchor

HẢI-DŨNG BỘI-TINH
VỚI NEO BẠC
Navy Gallantry Cross, Silver Anchor

HẢI DŨNG BỘI-TINH
VỚI NEO ĐỒNG
Navy Gallantry Cross, Bronze Anchor

HẢI DŨNG BỘI TINH

NAVY GALLANTRY CROSS

a. Basic Documents :

— *Decree N° 180/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Navy Gallantry Cross is awarded or posthumously awarded to servicemen of the Republic of Vietnam Navy who have been cited for their coolness and heroism while their vessel was underway and in distress due to a technical failure, foul weather conditions, or due to combat at the peril of one's life.

The Navy Gallantry Cross is also intended for civilian crew members in the RVN Navy and foreign crew members serving by the side of the RVN Navy who meet the requirements stated above.

c. Classes :

The Navy Gallantry Cross has three classes :

— *Navy Gallantry Cross with Gold Anchor.*

— *Navy Gallantry Cross with Silver Anchor.*

— *Navy Gallantry Cross with Bronze Anchor.*

d. Awarding Authority :

The Chief of Joint General Staff, RVNAF.

12
HẢI DŨNG BỘI TINH

a. Văn-kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 180/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

HẢI-DŨNG BỘI-TINH dùng để tưởng thưởng hoặc truy tặng nhân-viên thủy-thủ đoàn thuộc Hải-Quân QLVNCH đã được tuyên dương công trạng do sự biểu lộ bình tĩnh, sáng suốt và can đảm đặc-biệt trong lúc chiến hạm, chiến đĩnh lâm nạn hay ở trong hoàn cảnh khó khăn và nguy hiểm.

HẢI-DŨNG BỘI-TINH cũng được dùng để cấp thưởng nhân-viên thủy thủ dân sự trong Hải-Quân Việt-Nam và các nhân-viên thủy thủ ngoại quốc phục-vụ bên cạnh Hải-Quân Việt-Nam hội đủ điều kiện ấn định trên đây.

c. Đẳng cấp:

HẢI-DŨNG BỘI-TINH có 3 đẳng cấp :

— Hải-Dũng Bội-Tinh với mỏ neo vàng

— Hải-Dũng Bội-Tinh với mỏ neo bạc

— Hải-Dũng Bội-Tinh với mỏ neo đồng.

d. Quyền hạn ân thưởng.

Tổng Tham-Mưu-Trưởng QLVNCH ân thưởng.

ƯU DŨNG BỘI TINH

HAZARDOUS SERVICE MEDAL

ƯU DŨNG BỘI TINH

Hazardous Service Medal

ƯU DŨNG BỘI TINH

HAZARDOUS SERVICE MEDAL

13
HAZARDOUS SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree Nº 176/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree Nº 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Hazardous Service Medal is awarded or posthumously awarded to military personnel who meet one of the following requirements :

— *Have displayed heroism in the protection of government properties or the life of government officials.*

— *Have long endured danger to accomplish a strategic mission in a remote area under constant enemy threat.*

— *Have proved their enthusiasm and determination in the accomplishment of a relatively dangerous mission not involving direct participation in combat.*

The Hazardous Service Medal is also intended for foreign military personnel who meet one of the requirements prescribed above and whose accomplished mission is beneficial to the RVNAF.

c. Class :

The Hazardous Service Medal has only one class.

d. Awarding Authority :

The Chief of Joint General Staff, RVNAF.

13
ƯU-DŨNG BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 176/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục-đích.

ƯU-DŨNG BỘI-TINH dành để tưởng thưởng hoặc truy tặng quân-nhân có một trong các điều kiện ấn định dưới đây:

— Đã có hành-vi dũng cảm trong việc bảo-vệ tài-sản quốc-gia hoặc tính mệnh của nhân-viên cao cấp trong chính quyền.

— Đã chịu đựng gian nguy lâu ngày để hoàn thành một công tác có ích lợi trên phương diện chiến lược tại một nơi hẻo lánh và dưới sự đe dọa thường trực của địch quân.

— Đã biểu dương ý chí phấn đấu tích cực để thực-hiện một công tác tương đối nguy hiểm nhưng không trực-tiếp chiến-đấu với địch quân.

ƯU-DŨNC BỘI-TINH cũng dùng để cấp thưởng quân-nhân không thuộc Quốc-tịch Việt-Nam có một trong các điều kiện ấn định trên đây và công tác thực hiện phải có tính cách ích lợi cho QLVNCH.

c. Đẳng cấp.

ƯU-DŨNG BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

NHÂN DŨNG BỘI TINH

LIFE SAVING MEDAL

NHẤN DŨNG BỘI TINH

Life-Saving Medal

NHÂN DŨNG BỘI TINH

LIFE SAVING MEDAL

14
LIFE SAVING MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N⁰ 145/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree N⁰ 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Life Saving Medal is awarded or posthumously awarded to military personnel of all grades, government officials and civilians who have exhibited extreme bravery in risking their life to rescue other people in distress.

The Life Saving Medal is also intended for foreigners who have risked their lives to rescue Vietnamese citizens in distress.

c. Class :

The Life Saving Medal has only one class.

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF.*

14
NHÂN DŨNG BỘI TINH

a. Văn-kiện căn-bản.

— Sắc-Lệnh số 145/SL/CT ngày 12-5-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục-đích.

NHÂN-DŨNG BỘI-TINH dành để ân thưởng hoặc truy tặng quân-nhân các cấp, nhân viên chánh quyền và tư nhân có hành-vi can-đảm quên mình để cứu người lâm nạn.

NHÂN-DŨNG BỘI-TINH cũng để ân thưởng người ngoại quốc có hành-vi tương tự trong việc cứu trợ người Việt-Nam lâm nạn.

c. Đẳng cấp.

NHÂN-DŨNG BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

TRUNG CHÁNH BỘI TINH

LOYALTY MEDAL

TRUNG CHÁNH BỘI TINH
Loyalty Medal

TRUNG CHÁNH BỘI TINH

LOYALTY MEDAL

15
LOYALTY MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree Nº 145/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree Nº 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Loyalty Medal is awarded or posthumously awarded to Vietnamese citizens who have proved their loyalty to the National Cause by denouncing and countering enemy subversive activities that are prejudicial to the security and order of the country.

c. Class :

— *The Loyalty Medal has only one class.*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

15
TRUNG CHÁNH BỘI TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc lệnh số 145/SL/CT ngày 12-5-1964

— Sắc lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

TRUNG-CHÁNH BỘI-TINH dành để ân thưởng hoặc truy tặng những công dân Việt-Nam có hành-vi biểu lộ lòng trung thành với chính nghĩa quốc-gia bằng cách cương quyết tố giác và diệt trừ âm mưu và hành động phá hoại của đối phương có hại cho nền an-ninh và trật-tự của nước nhà.

c. Đẳng cấp.

TRUNG-CHÁNH BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

CHIẾN THƯƠNG BỘI TINH

WOUND MEDAL

CHIẾN THƯƠNG BỘI TINH

Wound-Medal

CHIẾN THƯƠNG BỘI TINH

WOUND MEDAL

a. Basic Documents :

— *Ordinance N° 209/DQT/HC, 6 January 1953.*

— *Decree N° 210/DQT/HC, 6 January 1953.*

— *Decree N° 111/CT/LDQG/SL, 27 September 1965.*

— *Decree N° 019/65, 27 September 1965.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

— *Decree N° 532/ND/HP/PC, 28 February 1966.*

b. Purpose :

The Wound Medal is awarded to military personnel who have been wounded in action, and to government officials who have been wounded in line of duty by the enemy or rebels.

c. Class :

The Wound Medal has only one class.

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, RVNAF.*

16
CHIẾN-THƯƠNG BỘI TINH

a. Văn-kiện căn bản.

— Dụ số 209/ĐQT/HC ngày 6-1-1953

— Sắc-Lệnh số 210/ĐQT/HC ngày 6-1-1953

— Sắc-Lệnh số 111/CT/LĐQG/SL ngày 27-9-1965

— Sắc-Luật số 019/65 ngày 27-9-1965

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

— Nghị-Định 532-NĐ/HP/PC ngày 28-2-1966

b. Mục - đích.

CHIẾN-THƯƠNG BỘI-TINH dành ân thưởng cho các quân-nhân mang thương tích vì chiến đấu, các nhân-viên dân chính chánh ngạch và ngoại ngạch các công sở cùng cán-bộ các ngành bị thương tích trong khi thừa hành công-vụ do địch quân hay phản loạn gây ra.

c. Đẳng-cấp.

CHIẾN-THƯƠNG BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

DANH DỰ BỘI TINH

ARMED FORCES HONOR MEDAL

DANH DỰ BỘI TINH HẠNG I
Armed Forces Honor Medal,
First Class

DANH DỰ BỘI TINH HẠNG II
Armed Forces Honor Medal,
Second Class

DANH DỰ BỘI TINH

ARMED FORCES HONOR MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N° 211/DQT/HC, 6 January 1953.*

— *Decree N° 212/DQT/HC, 6 January 1953.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

— *Decree law N° 037/66, 10 November 1966.*

b. Purpose :

The Armed Forces Honor Medal is awarded to military personnel, technicians, government employees or civilians, who have contributed to the formation and organization of the RVNAF and the training of troops or technical cadres for the various branches. In general, it is awarded to those who have contributed to the development of the Republic of Vietnam Armed Forces.

c. Classes :

There are two classes :

— *Armed Forces Honor Medal, First Class (for Officers).*

— *Armed Forces Honor Medal, Second Class (for Non-Commissioned Officers and Enlisted Men).*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

17
DANH DỰ BỘI TINH

a. Văn-kiện căn-bản.

— Sắc-Lệnh số 211/ĐQT/HC ngày 6-1-1953

— Sắc-Lệnh số 212/ĐQT/HC ngày 6-1-1953

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

— Sắc-Luật số 037/66 ngày 10-11-1966

b. Mục - đích.

DANH-DỰ BỘI-TINH để ân thưởng các quân-nhân, chuyên-viên, công chức hay thường dân Việt-Nam và ngoại quốc, có công trong việc thành-lập, tổ-chức Quân-Lực VNCH, huấn-luyện binh-sĩ, đào-tạo cán-bộ cho các ngành chuyên-môn và nói chung có công với Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

c. Đẳng cấp.

DANH-DỰ BỘI-TINH có 2 đẳng cấp :

— Danh-Dự Bội-Tinh hạng I dành cho Sĩ-quan

— Danh-Dự Bội-Tinh hạng II dành cho Hạ-sĩ-quan và binh-sĩ

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

CHỈ ĐẠO BỘI TINH

LEADERSHIP MEDAL

CHỈ ĐẠO BỘI-TINH
Leadership Medal

CHỈ ĐẠO BỘI TINH

LEADERSHIP MEDAL

18
LEADERSHIP MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N° 174/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Leadership Medal is awarded to Commanders of combat units (company and above) who have displayed excellent leadership in combat, operations, training, troop discipline and morale.

c. Classes :

The Leadership Medal has five classes :

Corps, Division, Regiment, Battalion and Company levels.

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

18
CHỈ ĐẠO BỘI TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-lệnh số 174/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

CHỈ-ĐẠO BỘI-TINH dành để tưởng thưởng Đơn-vị Trưởng đơn-vị tác-chiến từ cấp Đại-Đội trở lên đã tỏ ra xuất sắc trong việc chỉ-huy và lãnh đạo đơn vị trên các phương diện hành-quân, huấn-luyện, tinh-thần, kỷ-luật.

c. Đẳng cấp.

CHỈ-ĐẠO BỘI-TINH có 5 đẳng cấp :

Quân-Đoàn, Sư-Đoàn, Trung-Đoàn, Tiểu-Đoàn và Đại-Đội.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

THAM MƯU BỘI TINH

STAFF SERVICE MEDAL

THAM-MƯU BỘI TINH HẠNG I
Staff Service Medal, First Class

THAM MƯU BỘI TINH HẠNG II
Staff Service Medal, Second Class

THAM MƯU BỘI TINH

STAFF SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N° 151/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Staff Service Medal is awarded to military personnel of all grades and civilians who render staff service to the Republic of Vietnam Armed Forces through outstanding initiative and devotion to their assigned staff duty.

The Staff Service Medal is also awarded to foreign personnel serving by the side of the Republic of Vietnam Armed Forces, who have met the above-mentioned requirements.

c. Classes :

There are two classes :

— *Staff Service Medal, First Class (for Officers).*

— *Staff Service Medal, Second Class (for Non-Commissioned Officers and Enlisted Men).*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

19
THAM-MƯU BỘI-TINH

a. Văn-kiện căn-bản.

— Sắc-Lệnh số 151/SL/CT ngày 1-5-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

THAM-MƯU BỘI-TINH dành để ân thưởng quân-nhân các cấp, nhân-viên dân chính thuộc Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, phục-vụ trong các cơ quan Tham-Mưu, đã tỏ ra xuất sắc có nhiều sáng kiến và tận tâm đặc-biệt trong công-tác Tham-mưu giao phó.

THAM-MƯU BỘI-TINH cũng để cấp thưởng người ngoại quốc phục-vụ bên cạnh Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa hội đủ điều-kiện trên đây.

c. Đẳng cấp.

THAM-MƯU BỘI-TINH có 2 đẳng cấp :

— Tham-Mưu Bội-Tinh hạng I : dành cho Sĩ-quan.

— Tham-Mưu Bội-Tinh hạng II : dành cho Hạ-sĩ quan và Binh-sĩ.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

KỸ THUẬT BỘI TINH

TECHNICAL SERVICE MEDAL

KỸ THUẬT BỘI TINH HẠNG I
Technical Service Medal, First Class

KỸ THUẬT BỘI TINH HẠNG II
Technical Service Medal, Second Class

KỸ THUẬT BỘI TINH

TECHNICAL SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N⁰ 173/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree N⁰ 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Technical Service Medal is awarded to all military servicemen and civilians working as technicians in technical branches of the Army, Navy and Air Force of the Republic of Vietnam, who have shown outstanding professional capacity, initiative and special devotion to duty.

Foreign personnel working by the side of the Republic of Vietnam Armed Forces who meet the above-mentioned requirements may also be awarded the Technical Service Medal.

c. Classes :

There are two classes :

— *Technical Service Medal, First Class (for Officers).*

— *Technical Service Medal, Second Class (for Non-Commissioned Officers and Enlisted Men).*

d. Awarding Authority :

The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.

20
KỸ-THUẬT BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 173/SL/CT ngày 5-6-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/ ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

KỸ-THUẬT BỘI-TINH dành để tưởng thưởng quân-nhân các cấp, nhân-viên dân chính phục-vụ với tư-cách chuyên-viên trong các Binh-Chủng, Binh sở hoặc các ngành chuyên môn thuộc Hải Lục Không-Quân QLVNCH, có khả năng kỹ-thuật, chuyên-môn dồi dào hay nhiều sáng kiến và đã tỏ ra tận tâm đặc-biệt trong nhiệm-vụ giao phó.

Những người không thuộc Quốc-tịch Việt-Nam cũng có thể được cấp thưởng KỸ-THUẬT BỘI-TINH nếu đã phục-vụ bên cạnh QLVNCH và hội đủ điều-kiện ấn định trên đây.

c. Đẳng cấp.

KỸ-THUẬT BỘI-TINH có 2 đẳng cấp .

— Kỹ-Thuật Bội-Tinh hạng I : dành cho Sĩ-quan

— Kỹ-Thuật Bội-tinh hạng II : dành cho Hạ-sĩ-quan và Binh-sĩ.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

HUẤN VỤ BỘI TINH

TRAINING SERVICE MEDAL

HUẤN VỤ BỘI TINH HẠNG I
Training Service Medal, First Class

HUẤN VỤ BỘI TINH HẠNG II
Training Service Medal, Second Class.

HUẤN VỤ BỘI TINH

TRAINING SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N° 152/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Training Service Medal is awarded to instructors and cadres serving in Military Schools and Training Centers who have shown outstanding professional ability as well as devotion to duty and have contributed significantly to the training of the Republic of Vietnam Armed Forces.

Instructors who are not organic personnel of military schools and training centers may also receive the Training Service Medal if they have completed the number of training hours indicated by the military schools and training centers and have shown outstanding professional ability and devotion to duty.

This medal is also awarded to organizations, government officials, civilians and foreigners who have directly or indirectly contributed to the training of the Republic of Vietnam Armed Forces personnel.

c. Classes :

There are two classes :

— *Training Service Medal, First Class (for Officers).*

— *Training Service Medal, Second Class (for Non-Commissioned Officers and Enlisted Men).*

d. Awarding Authority :

The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.

21
HUẤN-VỤ BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 152/SL/CT ngày 12-5-1964.

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

HUẤN-VỤ BỘI-TINH dành để ân thưởng các Huấn-luyện viên, giảng viên và cán bộ phục-vụ các Quân-Trường và Trung-Tâm Huấn-Luyện Quân-Sự đã tỏ ra xuất-sắc và tận tâm đặc-biệt trong nhiệm-vụ huấn-luyện giao phó, hoặc đã trực tiếp góp phần quan trọng vào việc huấn-luyện QLVNCH.

Các Huấn-luyện viên, giảng viên không thuộc quân-số của Quân-Trường hay Trung-Tâm Huấn-Luyện Quân-Sự cũng được ân thưởng HUẤN-VỤ BỘI-TINH nếu đạt được một số giờ ấn định tại các Quân-Trường, Trung-Tâm Huấn-Luyện Quân-Sự và đã tỏ ra xuất-sắc, tận tâm đặc-biệt trong nhiệm-vụ huấn-luyện giao phó.

HUẤN-VỤ BỘI-TINH cũng để ân thưởng cho cơ-quan, đoàn thể, nhân-viên Chính-Phủ, tư nhân và người ngoại quốc đã trực tiếp hay gián tiếp góp phần quan trọng vào việc huấn-luyện QLVNCH.

c. Đẳng cấp.

HUẤN-VỤ BỘI-TINH có 2 đẳng cấp :

— Huấn-Vụ Bội-Tinh hạng I : dành cho Sĩ-quan

— Huấn-Vụ Bội-Tinh hạng II : dành cho Hạ-sĩ quan và Binh-sĩ

.d Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVHCH ân thưởng.

DÂN VỤ BỘI TINH

CIVIL ACTIONS MEDAL

DÂN VỤ BỘI TINH HẠNG I
Civil Actions Medal First class

DÂN VỤ BỘI TINH HẠNG II
Civil Actions Medal Second csass

DÂN VỤ BỘI TINH

CIVIL ACTIONS MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree Nº 147/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree Nº 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

— *Decree Nº 101/CT/LDQG/ND, 17 March 1967.*

b. Purpose :

The Civil Actions Medal is awarded or posthumously awarded to the RVNAF and foreign military personnel or units that have performed outstanding achievements in the field of civil affairs.

c. Classes :

The Civil Actions Medal has two classes :

— *Civil Actions Medal, First Class (for Officers).*

— *Civil Actions Medal, Second Class (for Non-Commissioned Officers and Enlisted Men).*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 147/SL/CT ngày 12-5-1964

— Sắc-Lệnh 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

— Nghị-định số 101/CT/LĐQG/NĐ ngày 17-3-1967

b. Mục đích.

DÂN-VỤ BỘI-TINH dành để ân thưởng hoặc truy tặng các quân-nhân hay đơn-vị trong QLVNCH và ngoại quốc đã lập được thành tích quan-trọng trong công tác dân vận và dân-vụ.

c. Đẳng cấp

DÂN-VỤ BỘI-TINH có 2 đẳng cấp :

— Dân-Vụ Bội-Tinh hạng I : dành cho Sĩ-quan

— Đân-Vụ Bội-Tinh hạng II : dành cho Hạ-sĩ-quan và Binh-sĩ.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH

QUÂN PHONG BỘI TINH

GOOD CONDUCT MEDAL

QUÂN PHONG BỘI TINH

Good Conduct Medal

QUÂN PHONG BỘI TINH

GOOD CONDUCT MEDAL

23
GOOD CONDUCT MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree Nº 175/SL/CT, 5 June 1964.*

— *Decree Nº 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Good Conduct Medal is awarded to military personnel of all ranks in the RVN AF who have had at least 3 years of service and have displayed exemplary conduct and discipline.

c. Classes :

There are five classes :

— *Good Conduct Medal, First Class.*

— *Good Conduct Medal, Second Class.*

— *Good Conduct Medal. Third Class.*

— *Good Conduct Medal, Fourth Class,*

— *Good Conduct Medal, Fifth Class.*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

23
QUÂN-PHONG BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-lệnh số 175/SL/CT ngày 5-6 1964

— Sắc-lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

QUÂN-PHONG BỘI-TINH dành để tưởng thưởng quân-nhân các cấp trong QLVNCH có ít nhất là 3 năm quân-vụ có tác phong và tinh thần kỷ-luật gương mẫu.

c. Đẳng cấp.

QUÂN-PHONG BỘI-TINH có 5 đẳng cấp :

— Quân-Phong Bội-Tinh hạng I

— Quân-Phong Bội-Tinh hạng II

— Quân-Phong Bội-Tinh hạng III

— Quân-Phong Bội-Tinh hạng IV

— Quân-Phong Bội-Tinh hạng V

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

CHIẾN DỊCH BỘI TINH

CAMPAIGN MEDAL

CHIẾN DỊCH BỘI TINH

Campaign Medal

CHIẾN DỊCH BỘI TINH

CAMPAIGN MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N° 149/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Campaign Medal is awarded or posthumously awarded to military personnel (RVNAF and foreign) and units that have directly participated in a large-scale military campaign during a certain period of time.

c. Class :

The Campaign Medal has only one class.

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

24
CHIẾN-DỊCH BỘI-TINH

a. Văn-kiện căn-bản.

— Sắc-Lệnh số 149/SL/CT ngày 12-5-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục-đích.

CHIẾN-DỊCH BỘI-TINH dành để ân thưởng hoặc truy tặng những quân-nhân, những đơn vị trong QLVNCH và ngoại quốc đã trực tiếp tham dự một chiến-dịch đại qui mô trong một thời gian nhất định.

c. Đẳng cấp.

CHIẾN-DỊCH BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền-hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

QUÂN VỤ BỘI TINH

MILITARY SERVICE MEDAL

QUÂN VỤ BỘI TINH

Military Service Medal

QUÂN VỤ BỘI TINH

MILITARY SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N° 155/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 Decmber 1965.*

b. Purpose:

The Military Service Medal is awarded to RVNAF military personnel of all ranks who have completed a prescribed service time and displayed good conduct and high working spirit.

c. Classes :

There are five classes :

— *Military Service Medal, First Class.*

— *Military Service Medal, Second Class.*

— *Military Service Medal, Third Class.*

— *Military Service Medal, Fourth Class.*

— *Military Service Medal, Fifth Class.*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

25
QUÂN-VỤ BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 155/SL/CT ngày 12-5-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục-đích.

QUÂN-VỤ BỘI-TINH dành để ân thưởng quân-nhân các cấp trong QLVNCH có một thời-gian tại ngũ ấn định, hạnh kiểm tốt và tinh thần phục-vụ cao.

c. Đẳng-cấp.

Quân-Vụ Bội-Tinh có 5 đẳng cấp :

— Quân-Vụ Bội-Tinh hạng I

— Quân-Vụ Bội-Tinh hạng II

— Quân-Vụ Bội-Tinh hạng III

— Quân-Vụ Bội-Tinh hạng IV

— Quân-Vụ Bội-Tinh hạng V

d. Quyền hạn ân-thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

KHÔNG VỤ BỘI TINH

AIR SERVICE MEDAL

KHÔNG VỤ BỘI TINH

Air Service Medal

KHÔNG VỤ BỘI TINH

AIR SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N⁰ 154/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree N⁰ 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Air Service Medal is awarded to RVNAF and foreign military personnel of all ranks and service branches who have completed a prescribed number of flight hours on board all types of aircraft of the VNAF or Allied Forces.

c. Classes :

There are 4 classes :

— *Air Service Medal, First Class.*

— *Air Service Medal, Second Class.*

— *Air Service Medal, Third Class.*

— *Air Service Medal, Honor Class.*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

26
KHÔNG-VỤ BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh 154/SL/CT ngày 2-5-1964

— Sắc-Lệnh 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục đích.

KHÔNG-VỤ BỘI-TINH dành để ân thưởng quân-nhân các cấp, không phân biệt Quân-Chủng, đã thực-hiện được một số giờ bay ấn định trên các loại phi-cơ của Không Lực Việt-Nam Cộng-Hòa hay Không-Lực của các nước Đồng-Minh.

c. Đẳng cấp.

KHÔNG-VỤ BỘI-TINH có 4 đẳng cấp :

— Không-Vụ Bội-Tinh hạng I

— Không-Vụ Bội-Tinh hạng II

— Không-Vụ Bội-Tinh hạng III

— Không-Vụ Bội-Tinh hạng Danh-Dự

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

HẢI VỤ BỘI TINH

NAVY SERVICE MEDAL

HẢI VỤ BỘI TINH

Navy Service Medal

HẢI VỤ BỘI TINH

NAVY SERVICE MEDAL

27
NAVY SERVICE MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree Nº 153/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree Nº 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Navy Service Medal is awarded to RVNAF and foreign military personnel of all ranks and service branches who have completed their misson on the sea during a certain period of time.

c. Classes :

There are four Classes:

— *Navy Service Medal, First Class.*

— *Navy Service Medal, Second Class.*

— *Navy Service Medal, Third Class.*

— *Navy Service Medal, Honor Class.*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

27
HẢI VỤ BỘI TINH

a. Văn kiện căn-bản.

— Sắc-Lệnh số 153/SL/CT ngày 12-5-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 12-12-1965

a. Mục-đích.

HẢI-VỤ BỘI-TINH dành để ân thưởng quân-nhân các cấp, không phân biệt Quân-Chủng, đã thừa hành nhiệm-vụ trên mặt biển trong một thời gian ấn định.

c. Đẳng cấp.

HẢI-VỤ BỘI-TINH có 4 đẳng cấp :

— Hải-Vụ Bội-Tinh hạng I

— Hải-Vụ Bội-Tinh hạng II

— Hải-Vụ Bội-Tinh hạng III

— Hải-Vụ Bội-Tinh hạng Danh-Dự

d. Quyền hạn ân thưởng

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

NHẤT TRÍ BỘI TINH

UNITY MEDAL

NHẤT TRÍ BỘI TINH

Unity Medal

NHẤT TRÍ BỘI TINH

UNITY MEDAL

a. Basic Documents :

— *Decree N° 146/SL/CT, 12 May 1964.*

— *Decree N° 205/CT/LDQG/SL, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Unity Medal is awarded to Vietnamese and foreign civilians who have positively contributed to the development of the Republic of Vietnam Armed Forces and who have been especially concerned about the material and spiritual welfare of the RVNAF personnel and their dependents.

c. Class :

The Unity Medal has only one class.

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

28
NHẤT-TRÍ BỘI-TINH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 146/SL/CT ngày 12-5-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2-12-1965

b. Mục-đích.

NHẤT-TRÍ BỘI-TINH dành để ân thưởng người Việt cũng như người ngoại quốc, không phải là quân-nhân, đã tích-cực góp phần vào việc phát triển QLVNCH hoặc đã tích-cực săn sóc đến đời sống tinh thần và vật chất của chiến-sĩ QLVNCH và gia đình họ.

c. Đẳng cấp.

NHẤT-TRÍ BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

VỊ QUỐC BỘI TINH

MEDAL OF SACRIFICE

VỊ QUỐC BỘI TINH

Medal of Sacrifice

VỊ QUỐC BỘI TINH

MEDAL OF SACRIFICE

a. Basic Documents :

- *Decree N° 156/SL/CT, 12 May 1964.*
- *Decree N° 205/CT/LDQG, 2 December 1965.*

b. Purpose :

The Medal of Sacrifice is awarded to the next of kin of military personnel or government officials who have lost their lives in the line of duty.

c. Class :

The Medal of Sacrifice has only one class.

d. Awarding Authority :

The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.

29
VỊ-QUỐC BỘI-TINH.

a Văn-kiện căn-bản.

— Sắc-Lệnh số 156/SL/CT ngày 12-5-1964

— Sắc-Lệnh số 205/CT/LĐQG/SL ngày 2--12-1965

b. Mục-đích.

VỊ-QUỐC BỘI-TINH dành để tặng thưởng người thừa kế trực tiếp của quân-nhân, nhân-viên chính quyền đã hy-sinh vì nhiệm vụ.

c. Đẳng cấp.

VỊ--QUỐC BỘI-TINH có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

GIÂY BIỂU CHƯƠNG

FOURRAGERE

GIÂY BIỂU CHƯƠNG
màu TAM-HỢP
(Anh Dũng Bội-Tinh + Quân Công Bội-Tinh + Bảo-Quốc Huân-Chương)
Fourragere
(Mixed colours of Gallantry Cross, Military Merit Medal and National Order.)

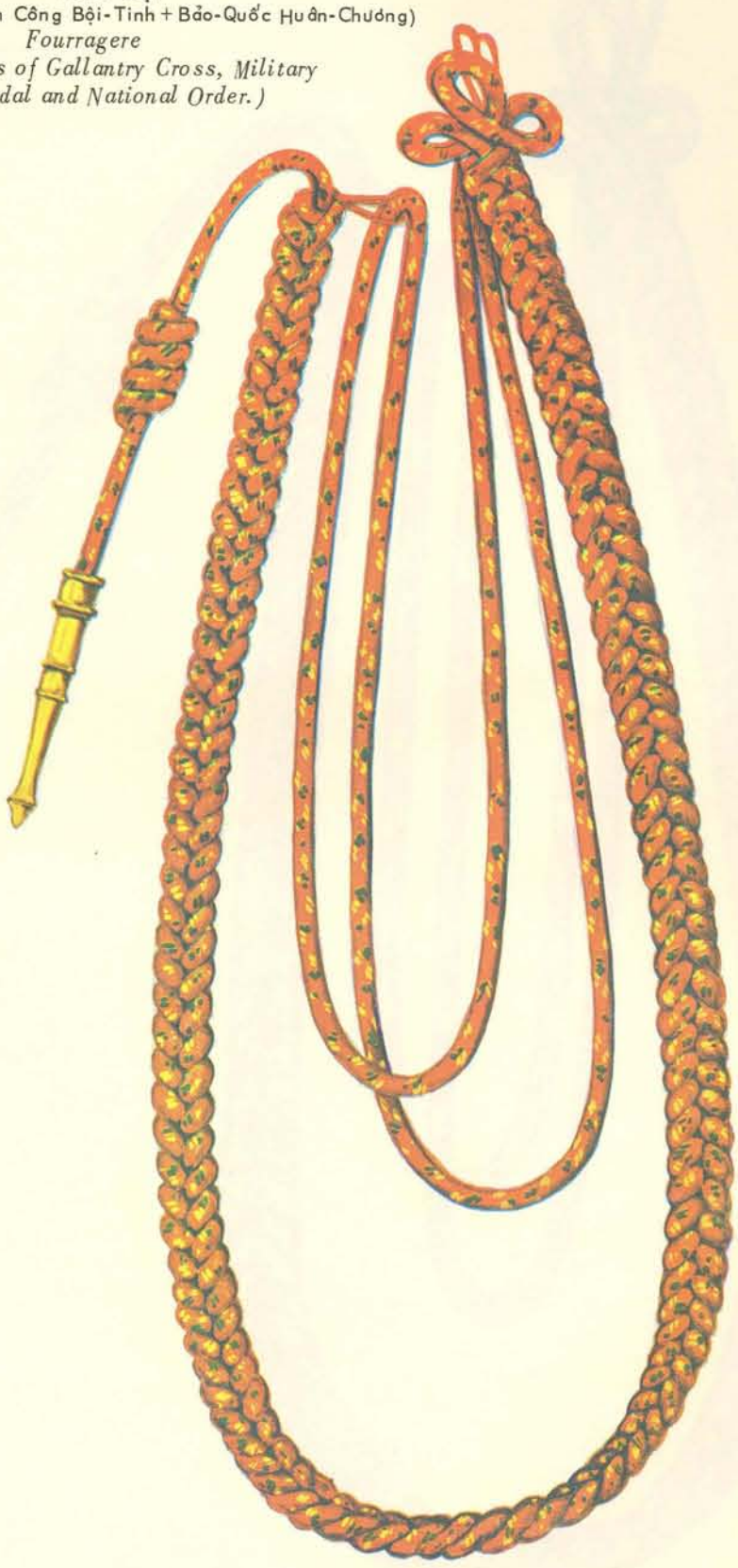

GIÂY BIỂU CHƯƠNG
màu BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG
Fourragere
Colour of the National Order

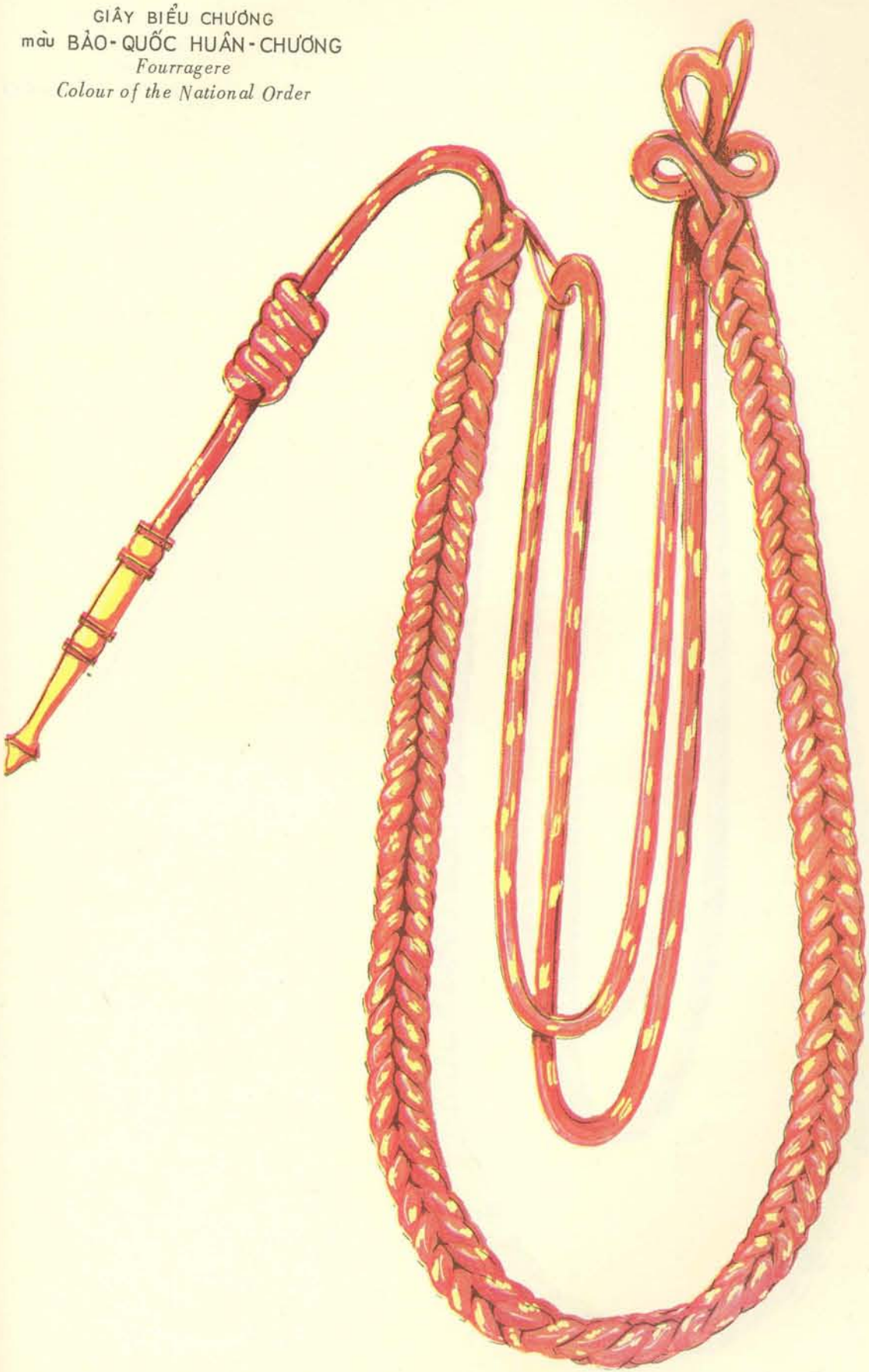

GIẢY BIỂU CHƯƠNG
màu QUÂN CÔNG BỘI-TINH
Fourragere
Colour of the Military Merit Medal

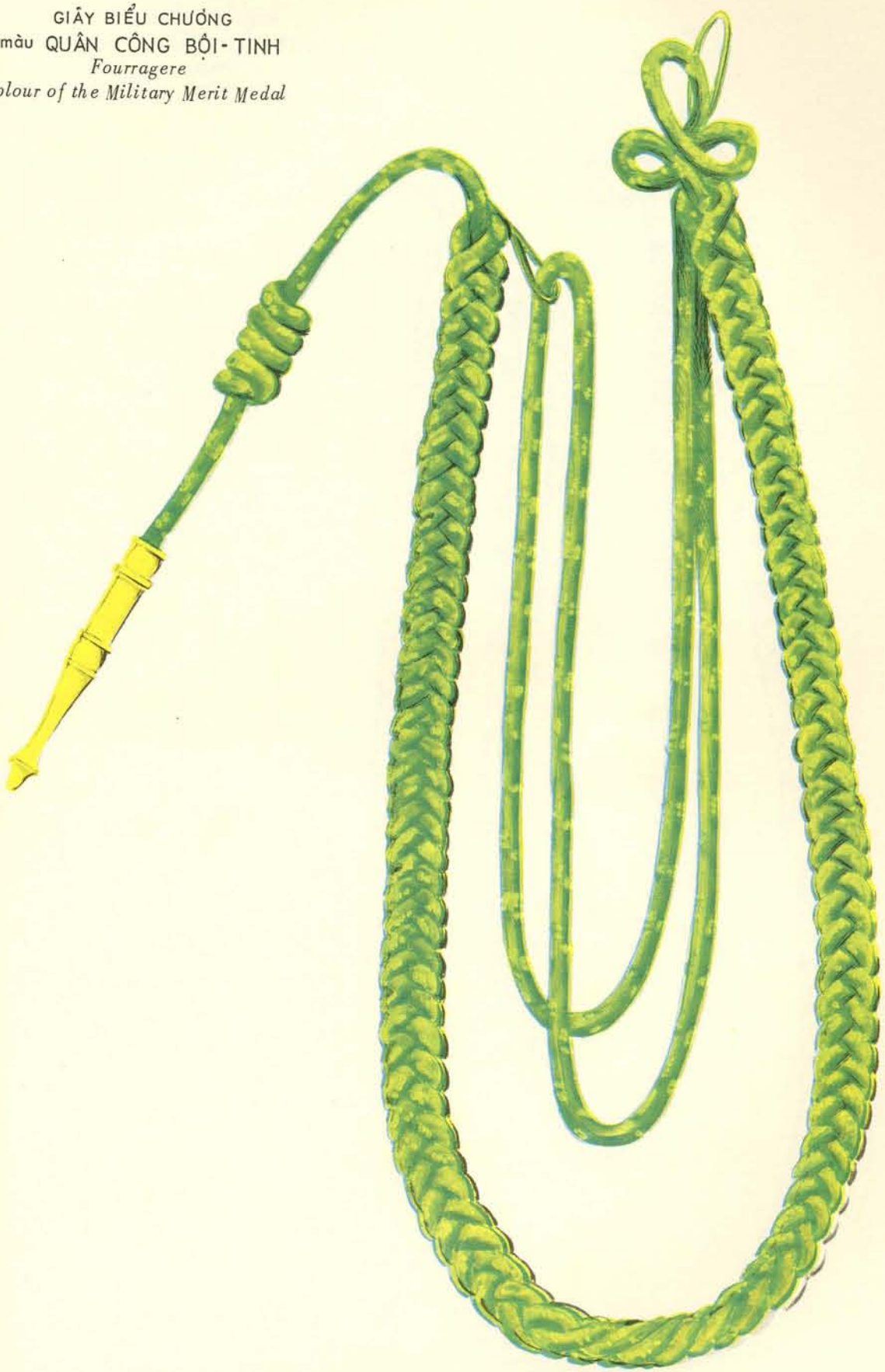

GIÂY BIỂU CHƯƠNG
màu ANH DŨNG BỘI-TINH
Fourragere
Colour of the Gallantry Cross

CÂY BIẾU CHƯƠNG

FOURRAGERE

a. Basic Document :

— *Circular N⁰ 71/QP/CA, 20 January 1953.*

b. Purpose :

The Fourragere is awarded to the Republic of Vietnam Armed Forces units that have been cited at the Armed Forces level two or more times.

c. Classes :

The Fourragere has four classes :

— *Fourragere, color of the Gallantry cross : For units that have been cited at the Armed Forces level two times.*

— *Fourragere, color of the Military Merit Medal : For units that have been cited at the Armed Forces level four times.*

— *Fourragere, color of the National Order : For units that have been cited at the Armed Forces level six times.*

— *Fourragere, with all the three above colors (The Gallantry cross, The Military Merit Medal, The National Order) : For units that have been cited at the Armed Forces level nine times.*

d. Awarding Authority :

The Minister of National Defense.

30
GIẤY BIỂU CHƯƠNG

a. Văn kiện căn bản.

— Thông-Tư số 71/QP/CA ngày 20-1-1953

b. Mục đích.

GIẤY BIỂU CHƯƠNG dành ân thưởng cho các đơn-vị thuộc Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa đã được tuyên-dương công trạng tập thể trước Quân-Đội từ 2 lần trở lên.

c. Đẳng cấp.

GIẤY BIỂU CHƯƠNG gồm có 4 hạng :

— Giấy Biểu Chương màu Anh-Dũng Bội-Tinh :
cho những đơn-vị đã được 2 lần tuyên dương công trạng trước Quân Đội.

— Giấy Biểu Chương màu Quân Công Bội-Tinh :
cho những đơn-vị đã được 4 lần tuyên dương công trạng trước Quân Đội.

— Giấy Biểu Chương màu Bảo-Quốc Huân-Chương :
cho những đơn-vị đã được 6 lần tuyên dương công trạng trước Quân-Đội

— Giấy Biểu Chương màu tam hợp : Anh-Dũng Bội-Tinh, Quân-Công Bội-Tinh và Bảo-Quốc Huân-Chương : cho những đơn-vị đã được 9 lần tuyên dương công trạng trước Quân-Đội.

d. Thẩm quyền ân thưởng.

Tổng Trưởng Quốc Phòng ân thưởng Giấy Biểu Chương.

BĂNG TUYÊN CÔNG ĐƠN-VỊ

UNIT CITATION STREAMER

băng TUYÊN CÔNG ĐƠN VỊ
màu ANH DŨNG BỘI TINH
The Unit Citation Streamer
colour of the Gallantry Cross.

băng TUYÊN CÔNG ĐƠN-VỊ
màu DÂN-VỤ BỘI-TINH
The Unit Citation Streamer
colour of the Civil Actions Medal

BĂNG TUYÊN CÔNG ĐƠN-VỊ

UNIT CITATION STREAMER

31
UNIT CITATION STREAMER.

a. Basic Document :

— *Decree N° 59/QP/ND, 20 January 1968.*

b. Purpose :

— *The Unit Citation Streamer is attached to the organizational flags of those units of the RVNAF and Allied Forces that have been cited and awarded the collectively-presented types of decorations.*

c. Class :

— *The Unit Citation Streamer must show the class of the decoration that has been awarded to the unit concerned.*

d. Awarding Authority :

— *The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.*

31
BĂNG TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ

a. Văn kiện căn bản.

— Nghị-định số 59/QP/NĐ ngày 20-1-1968

b. Mục đích.

BĂNG TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ dành để gắn trên Quân-Kỳ hay Hiệu-kỳ của các đơn-vị thuộc QLVNCH hay thuộc Lực-Lượng Đồng-Minh được tuyên dương công trạng và ban cấp huy-chương các loại có quy định ân thưởng với tính cách tập thể.

c. Đẳng cấp.

BĂNG TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ phải đính ước hiệu của đẳng cấp huy-chương được ân thưởng cho đơn-vị.

d. Quyền hạn ân thưởng.

— Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH ân thưởng.

HUY HIỆU TUYÊN CÔNG ĐƠN-VỊ

UNIT CITATION EMBLEM

Huy-hiệu Tuyên-Công Đơn-vị màu Anh-Dũng Bội-Tinh với Nhành-Dương-Liễu.

Unit Citation Emblem colour of the Gallantry Cross with Palm.

Huy-hiệu Tuyên-Công Đơn-vị màu Anh-Dũng Bội-Tinh với Ngôi Sao Vàng.

Unit Citation Emblem colour of the Gallantry Cross with Gold Star.

Huy-hiệu Tuyên-Công Đơn-vị màu Anh-Dũng Bội-Tinh với Ngôi Sao Bạc.

Unit Citation Emblem colour of the Gallantry Cross with Silver Star.

Huy-hiệu Tuyên-Công Đơn-vị màu Anh-Dũng Bội-Tinh với Ngôi Sao Đồng

Unit Citation Emblem colour of the Gallantry Cross with Bronze Star.

Huy-hiệu Tuyên-Công đơn-vị màu Dân-Vụ Bội-Tinh với Nhành Thiên-Tuế.

Unit Citation Emblem colour of the Civil Actions Medal with Oak Leaf.

HUY HIỆU TUYÊN CÔNG ĐƠN-VỊ

UNIT CITATION EMBLEM

32
UNIT CITATION EMBLEM

a. Basic Document :

— *Decree N° 58/QP/ND, 20 January 1968.*

b. Purpose :

— *The Unit Citation Emblem is awarded to military personnel in the Republic of Vietnam Armed Forces and Allied units that have been cited and presented a decoration which is prescribed to be awarded on a collective basis.*

c. Classes :

(1) The Unit Citation Emblem, color of the Gallantry Cross, has five classes :

— *Unit Citation Emblem, color of the Gallantry Cross, Armed Forces level, with a Palm device placed thereon.*

— *Unit Citation Emblem, color of the Gallantry Cross, Corps level, with a Gold Star device placed thereon.*

— *Unit Citation Emblem, color of the Gallantry Cross, Division level, with a Silver Star device placed thereon.*

— *Unit Citation Emblem, color of the Gallantry Cross, Brigade level, with a Bronze Star device placed thereon.*

— *Unit Citation Emblem, color of the Gallantry Cross, Regiment level, with a Bronze Star device placed thereon.*

(2) The Unit Citation Emblem, color of the Civil Actions Medal, has only one class.

d. Awarding Authority :

The Chief of Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces, is empowered to issue Orders authorizing military personnel in units to wear the Unit Citation Emblem, the color of the medal presented.

32
HUY HIỆU TUYÊN CÔNG ĐƠN-VỊ

a. Văn-kiện căn bản.

— Nghị-Định số 58/QP /NĐ ngày 20-1-1968

b. Mục đích.

HUY-HIỆU TUYÊN-CÔNG ĐƠN VỊ dành để ban cấp cho quân-nhân thuộc các đơn-vị QLVNCH và Đồng-Minh được tuyên dương công trạng và cấp thưởng huy chương các loại có quy định ân thưởng với tính cách tập thể.

c. Đẳng cấp.

(1) HUY-HIỆU TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ màu Anh Dũng Bội-Tinh gồm có 5 đẳng cấp :

— HUY-HIỆU TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ màu Anh-Dũng Bội-Tinh cấp Quân-Đội đính ước hiệu nhành dương liễu.

— HUY-HIỆU TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ màu Anh-Dũng Bội-Tinh cấp Quân-Đoàn đính ước hiệu ngôi sao vàng.

— HUY-HIỆU TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ màu Anh-Dũng Bội-Tinh cấp Sư-Đoàn đính ước hiệu ngôi sao bạc.

— HUY-HIỆU TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ màu Anh-Dũng-Bội-Tinh cấp Lữ-Đoàn đính ước hiệu ngôi sao đồng.

— HUY-HIỆU TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ màu Anh-Dũng Bội-Tinh cấp Trung-Đoàn đính ước hiệu ngôi sao đồng.

(2) HUY-HIỆU TUYÊN-CÔNG ĐƠN-VỊ màu Dân-Vụ Bội-Tinh có một đẳng cấp.

d. Quyền hạn ân thưởng.

Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH được ủy quyền ban hành Quyết-định cho phép quân-nhân thuộc các Đơn-vị được tuyên dương công trạng tập thể mang Huy-Hiệu Tuyên-Công Đơn-vị màu huy-chương được ân thưởng.

CÁCH THỨC MANG HUY-CHƯƠNG
ÁP DỤNG TRONG Q.L.V.N.C.H.

PROCEDURE FOR WEARING REPUBLIC OF VIET NAM MEDALS AS APPLIED TO RVNAF PERSONNEL

PROCEDURE FOR WEARING REPUBLIC OF VIETNAM MEDALS AS APPLIED TO RVNAF PERSONNEL

a. Basic Documents :

— *Decree N° 244/CT/LDQG/SL, 13 June 1967.*

— *Directive N° 2120/TTM/I/PQ/HC , 21 August 1967.*

b. Order of Wearing :

(1) RVNAF Medals are worn in accordance with the following arrangement, from the center to the left side of the breast :

— *National Order of Vietnam.*

— *Military Merit Medal.*

— *Army Distinguished Service Order.*

— *Air Force Distinguished Service Order.*

— *Navy Distinguished Service Order*

— *Army Meritorious Service Medal.*

— *Air Force Meritorious Service Medal.*

— *Navy Meritorious Service Medal.*

— *Special Service Medal.*

— *Gallantry Cross.*

— *Air Gallantry Cross.*

— *Navy Gallantry Cross.*

— *Hazardous Service Medal.*

— *Life Saving Medal.*

— *Loyalty Medal.*

— *Wound Medal.*

— *Armed Forces Honor Medal.*

— *Leadership Medal.*

— *Staff Service Medal.*

— *Technical Service Medal.*

— *Training Service Medal.*

— *Civil Actions Medal.*

— *Good Conduct Medal.*

— *Campaign Medal.*

— *Military Service Medal.*

— *Air Service Medal.*

— *Navy Service Medal.*

✱ *The Medal of Unity is awarded to civilians and the Medal of Sacrifice is intended for next of kin of war deceased personnel; therefore, these medals are not specified above.*

CÁCH THỨC MANG HUY-CHƯƠNG
ÁP DỤNG CHO QUÂN NHÂN TRONG QLVNCH

a. Văn kiện căn bản.

— Sắc-Lệnh số 244/CT/LĐQG/SL ngày 13-6-1967
— Huấn-Thị số 2120/TTM/1/PQ/HC ngày 21-8-1967

b. Thứ hạng mang huy-chương.

(1) Huy-chương Việt-Nam được mang theo thứ tự sau đây, từ phía giữa ngực trở về bên trái :

— BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG
— QUÂN-CÔNG BỘI-TINH
— LỤC QUÂN HUÂN-CHƯƠNG
— KHÔNG-LỰC HUÂN-CHƯƠNG
— HẢI-QUÂN HUÂN-CHƯƠNG
— LỤC-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH
— KHÔNG-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH
— HẢI-QUÂN VINH-CÔNG BỘI-TINH
— BIỆT-CÔNG BỘI-TINH
— ANH-DŨNG BỘI-TINH
— PHI-DŨNG BỘI-TINH
— HẢI-DŨNG BỘI-TINH
— ƯU-DŨNG BỘI-TINH
— NHÂN-DŨNG BỘI-TINH
— TRUNG-CHÁNH BỘI-TINH
— CHIẾN-THƯƠNG BỘI-TINH
— DANH-DỰ BỘI-TINH
— CHỈ-ĐẠO BỘI-TINH
— THAM-MƯU BỘI-TINH
— KỸ-THUẬT BỘI-TINH
— HUẤN-VỤ BỘI-TINH
— DÂN-VỤ BỘI-TINH
— QUÂN-PHONG BỘI-TINH
— CHIẾN-DỊCH BỘI-TINH
— QUÂN-VỤ BỘI-TINH
— KHÔNG-VỤ BỘI-TINH
— HẢI-VỤ BỘI-TINH

Nhất-Trí Bội-Tinh dành ân thưởng cho *dân sự* và Vị-Quốc Bội-Tinh dành ân thưởng cho *thân-nhân tử-sĩ* vì vậy không sắp vào bảng thứ tự mang huy-chương kể trên áp dụng cho quân-nhân

Republic of Vietnam civilian medals will be worn according to the presentation date of the award except for those in which an official document has been published by the Republic of Vietnam government which prescribes the order of wearing.

When equivalent awards are presented by other armed services, recipients will wear the medal or ribbon of their service first followed by the medals or ribbons received from other services, according to the presentation date of the award.

(2) Foreign Medals : *Foreign awards will be worn to the left of all RVN medals or ribbons according to the presentation date of the award without regard to the level of the medals.*

Several medals received from the same country, however, may be worn side by side in accordance with the level of the medals awarded.

c. Special Circumstances :

(1) When recipients wear the Formal Ceremony Uniform, *either pendant medals or service ribbons are worn depending on which has been prescribed.*

A special regulation does apply, however, for RVN's two highest awards as follows : The National Order of Vietnam, First and Second Classes, will always be worn as pendant medals with the above uniform.

(2) When recipients wear the Informal Ceremony Uniform, *medals at all levels, including the National Order, First and Second Classes, will be worn as service ribbons.*

(3) Personnel who have been awarded the same type of medal many times will wear :

(a) **Only the highest class of this medal received and in the following order of precedence :**

- *National Order.*
- *Army Distinguished Service Order.*
- *Air Force Distinguished Service Order.*
- *Navy Distinguished Service Order.*
- *Good Conduct Medal.*
- *Military Service Medal.*
- *Air Service Medal.*
- *Navy Service Medal.*
- *Other types of medals.*

Các huy chương dân sự theo thứ tự thời-gian ân thưởng trừ trường hợp có văn kiện chính-thức của Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa ấn định thứ tự mang.

Trường hợp được ân thưởng huy chương tương đương thuộc Quân Chủng bạn, quân-nhân thuộc Quân Chủng nào phải mang huy chương thuộc Quân Chủng đó trước ; huy-chương thuộc Quân Chủng bạn được mang kế tiếp liền theo và theo thứ tự thời-gian được ân thưởng.

(2) *Huy-chương ngoại quốc* được mang kế tiếp và về phía trái các huy chương Việt-Nam, theo thứ tự thời-gian ân thưởng nhưng không theo thứ tự đẳng cấp huy-chương của Quốc-Gia này đối với đẳng cấp huy chương của Quốc-gia khác.

Nhiều huy chương thuộc cùng một Quốc-gia được mang liền chung với nhau theo thứ tự đẳng cấp huy chương của Quốc-gia đó.

c. Các trường hợp đặc-biệt.

(1) Khi mặc *quân phục đại lễ*, huy-chương được mang dưới hình-thức «thòng» hoặc «cuống» tùy trường hợp ấn định.

Một ngoại lệ được áp dụng đối với hai đẳng cấp huy chương Việt-Nam cao quý nhất : *dù gặp trường hợp ấn định phải mang huy chương cuống, riêng BẢO - QUỐC HUÂN - CHƯƠNG Đệ Nhất đẳng và BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG Đệ Nhị đẳng vẫn được phép mang thòng.*

(2) Khi mặc *quân phục tiểu lễ* tất cả các loại huy chương ở mọi đẳng cấp, kể cả BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG Đệ Nhất đẳng và Đệ Nhị đẳng — đều phải mang dưới hình thức «cuống».

(3) Nếu một quân-nhân được ân thưởng nhiều lần một loại huy chương, thể thức mang được ấn định như sau :

(a) **Đối với các loại huy-chương mà mỗi lần ân thưởng thêm là một lần thăng hạng như :**

- BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG
- LỤC-QUÂN HUÂN-CHƯƠNG
- KHÔNG-LỰC HUÂN-CHƯƠNG
- HẢI-QUÂN HUÂN-CHƯƠNG
- QUÂN-PHONG BỘI-TINH
- QUÂN-VỤ BỘI-TINH
- KHÔNG-VỤ BỘI-TINH
- HẢI-VỤ BỘI-TINH

— Và các loại huy-chương có đặc tính tương-tự, người thụ hưởng chỉ được mang huy-chương đó *dưới hình thức của đẳng cấp cao nhất mà thôi.*

b. Types of medals that may be awarded several times for meritorious service or achievement with each award represented by a device are as follows :

— *Gallantry Cross.*
— *Air Gallantry Cross.*
— *Navy Gallantry Cross.*
— *Wound Medal.*
— *Armed Forces Honor Medal.*
— *Civil Actions Medal.*
— *Campaign Medal.*
— *Other types of medals.*

Recipients will wear the above medals **with all devices placed thereon.** *If there are many levels to be displayed, devices representing the levels will be arranged according to the levels, not the date of presentation.*

SPECIFIC NOTE :

When a medal has been awarded more than five times, the recipients may wear additional pendant medals or ribbons in order to have enough space for placing all devices received on the ribbon of the pendant medal or ribbon. These devices must be exhibited appropriately in accordance with the order of precedence and not the date of presentation.

(b) Đối với các loại huy-chương có thể được ân thưởng nhiều lần về nhiều công trạng hay thành tích lập được khác nhau, và mỗi lần cấp thưởng huy-chương được đính thêm một ước hiệu như :

— ANH-DŨNG BỘI-TINH
— PHI-DŨNG BỘI-TINH
— HẢI-DŨNG BỘI-TINH
— CHIẾN THƯƠNG BỘI-TINH
— DANH-DỰ BỘI-TINH
— DÂN-VỤ BỘI-TINH
— CHIẾN-DỊCH BỘI-TINH

Và các loại huy-chương có đặc tính tương tự, người thụ hưởng được mang huy-chương với tất cả *các ước hiệu của những lần được ân thưởng*. Nếu gồm có nhiều đẳng cấp, các ước hiệu được sắp xếp theo thứ tự các đẳng cấp, chứ không theo thứ tự thời gian ân thưởng huy-chương.

LƯU Ý :

Trường hợp một loại huy-chương được ân thưởng trên 5 lần, người thụ hưởng có thể mang thêm huy-chương thòng hoặc cuống huy-chương để có đủ chỗ đính tất cả các ước hiệu của những đẳng cấp được ân thưởng trên dải băng và cuống huy chương. Các ước hiệu cũng phải được sắp xếp theo thứ tự của đẳng cấp, chứ không theo thứ tự thời gian ân thưởng.

CÁCH THỨC MANG HUY-CHƯƠNG TRÊN QUÂN-PHỤC ĐẠI LỄ

Wearing medals on Formal Ceremony Uniform

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ NHẤT-ĐẲNG :

Grand-Cross of the National Order (First class)

THỂ THỨC 1 :
Form 1

THỂ THỨC 2 :
Form 2

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ NHỊ-ĐẲNG :

Grand-officer of The National Order (Second Class)

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ TAM ĐẲNG :

Commander of the National Order (Third Class)

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ-TỨ ĐẲNG :

Officer of the National Order (Fourth Class)

CÁCH THỨC MANG NHỮNG HUY-CHƯƠNG VIỆT-NAM VÀ NGOẠI QUỐC CÓ HÌNH THỨC VÀ VỊ TRÍ MANG TRÙNG VỚI NHAU

Republic of VietNam and Foreign Medals (of highest level) worn in the same form and position

BẢO QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ NHẤT ĐẲNG
MANG DƯỚI HÌNH THỨC CUỐNG
National Order, First class (worn in ribbon form)

HUY CHƯƠNG NGOẠI QUỐC
(HÌNH THỨC VÀ VỊ TRÍ MANG TRÙNG VỚI BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ NHẤT ĐẲNG)
Foreign Medals (of highest level)
If the form and position of wearing is the same as the National Order, First class.

HUY-CHƯƠNG NGOẠI QUỐC
MANG DƯỚI HÌNH THỨC CUỐNG VÌ TRÙNG
VỊ TRÍ MANG VỚI BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG
ĐỆ NHỊ ĐẲNG.
Foreign Medal (of highest level) will be worn in ribbon form due to the coincidence of the position reserved for the National Order, Second class.

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ NHỊ ĐẲNG
National Order, Second Class.

BẢO QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ TAM ĐẲNG
National Order, Third class

HUY CHƯƠNG NGOẠI QUỐC
MANG DƯỚI HÌNH THỨC CUỐNG VÌ TRÙNG
VỊ TRÍ MANG VỚI BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG
ĐỆ TAM ĐẲNG.
Foreign Medal (of highest level) will be worn in ribbon form due to the coincidence of the position reserved for the National Order, third class.

CÁCH THỨC MANG HUY-CHƯƠNG TRÊN QUÂN-PHỤC DẠ-HỘI

Procedure for Wearing Medals on Evening Uniform

BẢO-QUỐC HUÂN CHƯƠNG ĐỆ NHẤT ĐẲNG

(MANG DƯỚI 2 THỂ THỨC) VÀ CÁC LOẠI HUY CHƯƠNG KHÁC

National Order, First Class (worn in two forms) and other types of medals

THỂ THỨC 1 :
Form 1

THỂ THỨC 2 :
Form 2

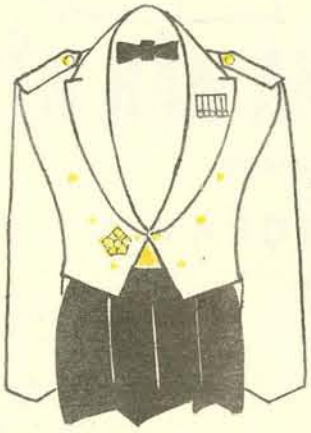

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ NHỊ ĐẲNG
VÀ CÁC LOẠI HUY CHƯƠNG KHÁC
National Order, second class and other types of medals

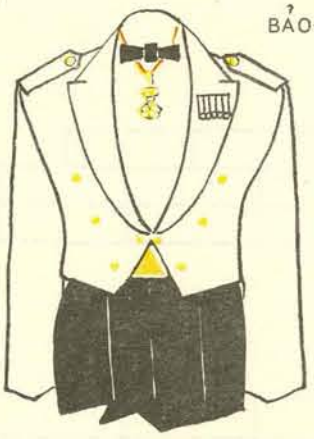

BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỆ TAM ĐẲNG
National order, third class

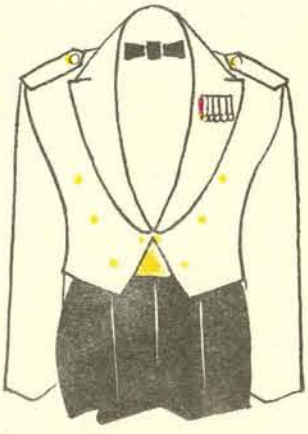

CÁC HUY CHƯƠNG TỪ BQHC ĐỆ TỨ ĐẲNG TRỞ XUỐNG
Other medals ranging from National Order, Fourth class and lower.

HUY-CHƯƠNG MANG DƯỚI HÌNH-THỨC CUỐNG

Medals worn in ribbon form

TRÊN QUÂN PHỤC TIỂU LỄ HAY
ĐẠI LỄ TÙY TRƯỜNG HỢP

On Informal or Formal Ceremony Uniform depending on each circumstance

TRÊN QUÂN PHỤC LÀM VIỆC

On duty Uniform

CÁCH THỨC KẾT HỢP CÁC BỘ CUỐNG HUY CHƯƠNG

Procedure for combining all sets of ribbons

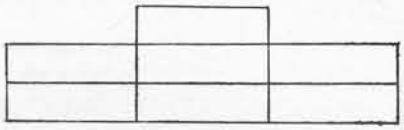

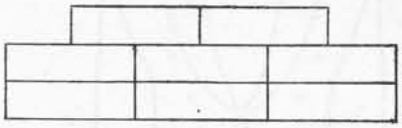

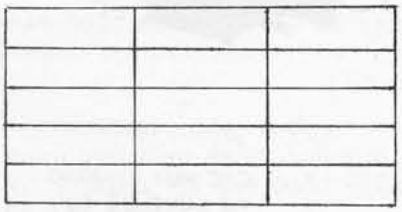

QUYỀN HẠN ÂN THƯỞNG HUY-CHƯƠNG

AWARDING AUTHORITIES

REPUBLIC OF VIETNAM

THE NATIONAL LEADERSHIP COMMITTEE

OFFICE OF THE CHAIRMAN

Nr 205/CT/LĐQG/SL

CHAIRMAN OF THE NATIONAL LEADERSHIP COMMITTEE

Considering the Provisional Constitution dated 19 June 1965 ;

Considering Decree Nr 001-a/CT/LDQG/SL dated 19 June 1965 supplemented and amended by Decree Nr 121-CT/LDQG/SL dated 5 October 1965 prescribing the composition of the Central Executive Committee ;

Considering Decree Nr 332-QP dated 11 November 1964 determining the organizational system of the Republic of VietNam Armed Forces.

Considering the recommendation of the Commissioner of National Defense.

DECREES

ARTICLE I *This Decree prescribes the organization, missions, responsibilities and purview of the authorities in charge of the organizational structure of the National Defense and the RVNAF (organizational chart attached).*

. . . . . .

. . . . . .

SECTION VI

AWARDING MEDALS

ARTICLE 33. *The Chairman of the National Leadership Committee (1) awards decorations of all types.*

ARTICLE 34. *The Chairman of the Central Executive Committee (2) is delegated authority by the Chairman of National Leadership Committee to award the National Order, Fourth Class, and to posthumously award the National Order, Third Class.*

ARTICLE 35. *The Commissioner of National Defense(3) is delegated authority by the Chairman of the National Leadership Committee to award the National Order, Fifth Class, and to posthumously award the National Order, Fourth Class.*

ARTICLE 36. *The Commissioner of National Defense is delegated authority by the Chairman of the National Leadership Committee to award the following military decorations :*

- *Military Merit Medal ;*
- *Armed Forces Honor Medal (all classes) ;*
- *Gallantry Cross (all types) ;*
- *Fourrageres (all types) ;*
- *Wound Medal ;*

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

UY BAN LÃNH ĐẠO QUỐC GIA

PHỦ CHỦ-TỊCH

SỐ : 205-CT/LĐQG/SL

CHỦ-TỊCH ỦY-BAN LÃNH-ĐẠO QUỐC-GIA

— Chiếu Ước-Pháp ngày 19 tháng 6 năm 1965;

— Chiếu Sắc-Lệnh số 001-a/CT/LĐQG/SL ngày 19 tháng Sáu năm 1965 bổ-túc và sửa đổi bởi Sắc-Lệnh số 121-CT/LĐQG/SL ngày 5 tháng Mười năm 1965 ấn định thành phần Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Ương.

— Chiếu Sắc-Lệnh số 332-QP ngày 11 tháng Mười Một năm 1964 ấn-định hệ thống tổ chức Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

Chiếu đề-nghị của Ủy-Viên Quốc-Phòng;

SẮC — LỆNH

ĐIỀU THỨ NHẤT — Sắc-Lệnh này ấn-định hệ thống tổ-chức, nhiệm-vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các giới chức phụ-trách các cơ cấu thuộc Quốc-Phòng và Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. (Sơ đồ tổ-chức đính-kèm)

. . . . . .

. . . . . .

CHƯƠNG 6

THẨM QUYỀN BỔ NHIỆM, THĂNG CẤP VÀ ÂN-THƯỞNG HUY-CHƯƠNG

. . . . . .

. . . . . .

MỤC 6

ÂN-THƯỞNG HUY-CHƯƠNG

ĐIỀU THỨ 33.— Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia (1) ân cấp huy chương các loại.

ĐIỀU THỨ 34.— Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Ương (2) được Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia ủy-quyền ân cấp Đệ-Tứ đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương và truy-tặng Đệ-Tam đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương.

ĐIỀU THỨ 35.— Ủy-Viên Quốc-Phòng (3) được Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia ủy quyền ân cấp Đệ-Ngũ Đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương và truy tặng Đệ Tứ Đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương.

— *Army Distinguished Service Order ;*
— *Air Force Distinguished Service Order ;*
— *Navy Distinguished Service Order ;*
— *Army Meritorious Service Medal*
— *Air Force Meritorious Service Medal ;*
— *Navy Meritorious Service Medal ;*
— *Leadership Medal ;*
— *Air Gallantry Cross ;*
— *Navy Gallantry Cross ;*
— *Special Service Medal ;*
— *Training Service Medal ;*
— *Technical Service Medal ;*
— *Military Service Medal ;*
— *Air Service Medal ;*
— *Navy Service Medal ;*
— *Civil Actions Medal ;*
— *Loyalty Medal ;*
— *Staff Service Medal ;*
— *Good Conduct Medal ;*
— *Life Saving Medal ;*
— *Campaign Medal ;*
— *Unity Medal ;*
— *Medal of Sacrifice.*

ARTICLE 37. *The Commissioner of National Defense delegates authority to the Chief of Joint General Staff, RVNAF :*

to posthumously award :

— *National Order, Fifth Class ;*
— *Army Distinguished Service Order ;*
— *Air Force Distinguished Service Order ;*
— *Navy Distinguished Service Order ;*
— *Military Merit Medal ;*

to award :

— *Army Meritorious Service Medal ;*
— *Air Force Meritorious Service Medal ;*
— *Navy Meritorious Service Medal ;*
— *Gallantry Cross (all types) ;*
— *Armed Forces Honor Medal, First and Second Class ;*
— *Leadership Medal ;*
— *Air Gallantry Cross ;*
— *Civil Actions Medal ;*
— *Special Service Medal ;*
— *Hazardous Service Medal ;*
— *Training Service Medal ;*
— *Technical Service Medal ;*
— *Military Service Medal ;*
— *Air Service Medal ;*

ĐIỀU THỨ 36.— Ủy-Viên Quốc-Phòng được Chủ-Tịch Ủy Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia ủy quyền để ân cấp các loại huy-chương Quân-sự kể sau :

— Quân-Công Bội-Tinh
— Danh-Dự Bội-Tinh các hạng
— Anh-Dũng Bội-Tinh các cấp
— Giấy Biểu-Chương các loại
— Chiến-Thương Bội-Tinh
— Lục-Quân Huân-Chương
— Không-Lực Huân-Chương
— Hải-Quân Huân-Chương
— Lục-Quân Vinh-Công Bội-Tinh
— Không-Quân Vinh-Công Bội-Tinh
— Hải-Quân Vinh-Công Bội-Tinh
— Chỉ-Đạo Bội-Tinh
— Phi-Dũng Bội-Tinh
— Hải-Dũng Bội-Tinh
— Biệt-Công Bội-Tinh
— Ưu-Dũng Bội-Tinh
— Huấn-Vụ Bội-Tinh
— Kỹ-Thuật Bội-Tinh
— Quân-Vụ Bội-Tinh
— Không-Vụ Bội-Tinh
— Hải-Vụ Bội-Tinh
— Dân-Vụ Bội-Tinh
— Trung-Chánh Bội Tinh
— Tham-Mưu Bội-Tinh
— Quân-Phong Bội-Tinh
— Nhân-Dũng Bội-Tinh
— Chiến-Dịch Bội-Tinh
— Nhất-Trí Bội-Tinh
— Vị-Quốc Bội-Tinh

ĐIỀU THỨ 37.— Ủy-Viên Quốc-Phòng ủy-quyền cho Tổng Tham-Mưu Trưởng Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa :

Truy-tặng :

— Đệ-Ngũ đẳng Bảo-Quốc Huân-Chương
— Lục-Quân Huân-Chương
— Không-Lực Huân-Chương
— Hải-Quân Huân Chương
— Quân-Công Bội-Tinh

Ân-cấp

— Lục-Quân Vinh-Công Bội-Tinh
— Không-Quân Vinh-Công Bội-Tinh
— Hải-Quân Vinh-Công Bội-Tinh
— Anh Dũng Bội-Tinh các cấp

— *Navy Service Medal ;*
— *Loyalty Medal ;*
— *Good Conduct Medal ;*
— *Life Saving Medal ;*
— *Unity Medal ;*
— *Campaign Medal ;*
— *Medal of Sacrifice ;*
— *Wound Medal ;*
— *Staff Service Medal ;*
— *Navy Gallantry Cross.*

ARTICLE 38. *The award and posthumous award of the National Order and the Military Merit Medal as provided for in Articles 34, 35, 36, and 37 of this decree will be formalized by a decree of the Chairman of the National Leadership Committee.*

ARTICLE 39. *All documents and clauses contrary to the contents of this Decree are rescinded.*

ARTICLE 40. *The Chairman of the Central Executive Committee, the Commissioner of National Defense and the Chief of JGS, RVNAF, are charged, each according to his function, with the execution of this Decree.*

This decree will be published in the RVN Official Gazette.

SAIGON, 2 December 1965
Signed : Lt General NGUYEN VĂN THIEU

REMARKS :

The Authorities mentioned in the above decree-law are equivalent to the following authorities of the Second Republic :

(1) The Chairman of the National Leadership Committee = President.

(2) The Chairman of the Central Executive Committee = Prime Minister.

(3) Commissioner of National Defense = Minister of National Defense and War Veterans.

— Danh-Dự Bội-Tinh hạng nhất và hạng nhì
— Chỉ-Đạo Bội-Tinh
— Phi-Dũng Bội-Tinh
— Dân-Vụ Bội-Tinh
— Biệt-Công Bội-Tinh
— Ưu-Dũng Bội-Tinh
— Huấn-Vụ Bội-Tinh
— Kỹ-Thuật Bội-Tinh
— Quân-Vụ Bội-Tinh
— Không-Vụ Bội-Tinh
— Hải-Vụ Bội-Tinh
— Trung-Chánh Bội-Tinh
— Quân-Phong Bội-Tinh
— Nhân-Dũng Bội-Tinh
— Nhất-Trí Bội-Tinh
— Chiến-Dịch Bội-Tinh
— Vị-Quốc Bội-Tinh
— Chiến-Thương Bội-Tinh
— Tham-Mưu Bội-Tinh
— Hải-Dũng Bội-Tinh

ĐIỀU THỨ 38.— Mọi sự truy-tặng và ân cấp Bảo-Quốc Huân-Chương và Quân-Công Bội-Tinh dự liệu nơi các Điều 34, 35, 36 và 37 của Sắc-Lệnh này sẽ được hợp thức hóa bằng Sắc-Lệnh của Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia.

CHƯƠNG 7

ĐIỀU THỨ 39.— Tất cả mọi văn-kiện và điều khoản trái với tinh-thần Sắc-Lệnh này đều được hủy bỏ.

ĐIỀU THỨ 40.— Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành Pháp Trung-Ương, Ủy-Viên Quốc-Phòng và Tổng Tham-Mưu Trưởng Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, chiếu nhiệm-vụ thi-hành Sắc-Lệnh này.

Sắc-Lệnh này sẽ được đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Saigon ngày 2 tháng Chạp năm 1965
Ký tên : **Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN-THIỆU,**

Cước-chú.— Các chức-vụ quy-định trong Sắc-Lệnh này tương đương với các chức-vụ kể sau trong nền đệ nhị Cộng-Hòa :

(1) Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia : Tổng Thống

(2) Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Ương : Thủ-Tướng

(3) Ủy-Viên Quốc-Phòng : Tổng Trưởng Quốc-Phòng và Cựu Chiến-Binh.